Ngày soạn: 03/9/2024

# CHƯƠNG III. HÌNH HỌC TRỰC QUAN

# Tiết 1,2. BÀI 1: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT. HÌNH LẬP PHƯƠNG (2 tiết)

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Năng lực cần đạt:** Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

+ Nhận biết được hình hộp chữ nhật: có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh, 4 đường chéo, các mặt đều là hình chữ nhật, các cạnh bên bằng nhau.

+ Nhận biết được hình lập phương: có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh, 4 đường chéo, các mặt đều là hình vuông, các cạnh đều bằng nhau.

- Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật khi biết độ dài ba kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều cao) của hình đó.

- Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lập phương khi biết độ cạnh của hình đó.

- Chuyển đổi ngôn ngữ, từ ngôn ngữ thông thường sang đọc (nói), viết về các tính chất của hình hộp chữ nhật, hình lập phương, ... là cơ hội để HS hình thành NL giao tiếp toán học.

- Tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương, ... là cơ hội để HS hình thành NL giải quyết vấn đề toán học.

- Vẽ, cắt, ghép để tạo dựng hình hộp chữ nhật, hình lập phương, tìm các đồ vật trong thực tiễn có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương, ... là cơ hội để HS hình thành NL mô hình hoá toán học.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

- SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

- Một số mô hình về hình hộp chữ nhật, hình lập phương để HS quan sát, nhận dạng.

- Một số hình khai triển của hình hộp chữ nhật, hình lập phương để HS cắt, ghép, tạo dựng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Một số hình ảnh hoặc clip về những đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương có trong thực tế cuộc sống (hộp sữa, rubik,..) để minh họa, làm cho bài học được sinh động và lôi cuốn người học.

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn lại kiến thức về hình hộp chữ nhật, hình lập phương đã được làm quen ở Tiểu học, ôn tập lại công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình lập phương; chuẩn bị một miếng bìa, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày dạy: 7E: .../ 9 /2024 7G: / 9 / 2024

**Tiết 1:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS được quan sát, giới thiệu về hình lập phương, hình hộp chữ nhật thông qua các mô hình, vật dụng trong thực tế.

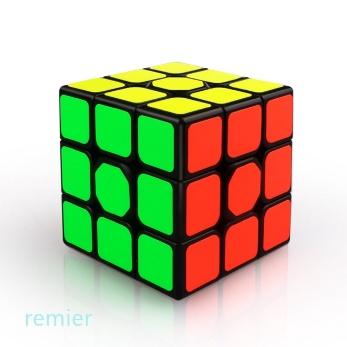
- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide các đồ vật dạng hình lập phương, hình hộp chữ nhật và dẫn dắt, đặt vấn đề:

+ “ *Quan sát những đồ vật sau đây và cho biết những đồ vật đó có dạng hình gì?*”



HS quan sát màn chiếu, trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Ở các lớp dưới chúng ta đã tìm hiểu khái quát, nhận dạng hình lập phương và hình hộp chữ nhật. Để rõ hơn về đặc điểm của các hình khối này chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay.”

***Bài 1: Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương***



**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình hộp chữ nhật.**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận dạng hình hộp chữ nhật và mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật.

- Giúp học sinh nhận dạng được hình không gian vẽ trong mặt phẳng hai chiều.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn, cho HS quan sát Hình 1, Hình 2 yêu cầu HS thực hiện ***HĐ1*** theo nhóm đôi vẽ, cắt, tạo dựng hình theo yêu cầu.  (GV gợi ý cho HS đếm số hình chữ nhật trong mỗi hình để trả lời câu hỏi).  - GV hướng dẫn cho HS quan sát từng mặt trao đổi cặp đôi hoàn thành **HĐ2**.  - GV dẫn dắt, cho HS quan sát, nhận biết, đọc tên các mặt, các cạnh đáy, cạnh bên, các đỉnh của hình hộp chữ nhật như trong SGK:    *Ở Hình 3 ta có:*   * *Hình hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D';* * *Đáy dưới ABCD, đáy trên A'B'C'D';*   *Các mặt bên: Â'B'B, BB'C'C, CC'D'D, DD'A'A;*   * *Các cạnh đáy: AB, BC, CD, DA, A'B', B'C', C'D', D'A';*   *Các cạnh bên: AA', BB', CC', DD';*   * *Các đỉnh: A, B, C, D, A', B', C', D'.*   - GV đặt câu hỏi thêm: *Có thể chọn hai mặt đối diện là hai mặt đáy không?*  HS trả lời, lớp nhận xét, GV đánh giá, dẫn dắt, phân tích để HS thấy rằng có thể chọn hai mặt đối diện khác là mặt đáy, khi đó các mặt còn lại là mặt bên.  - GV lưu ý, nhấn mạnh cho HS phần Chú ý (SGK – tr 77): Để hình dung tốt hơn về khối hộp chữ nhật, người ta vẽ các cạnh không nhìn thấy của hình đó bằng nét đứt như hình 4b (SGK- tr77)    - GV hướng dẫn HS quan sát Hình 5, thảo luận nhóm đôi trao đổi **HĐ3** để nhận biết được đặc điểm mỗi mặt của hình hộp chữ nhật (*là hình gì?*) và đặc điểm giữa các cạnh bên của hình hộp chữ nhật (*có bằng nhau hay không?*)  - GV dẫn dắt cho HS rút ra nhận xét như SGK:  *Nhận xét: Hình hộp chữ nhật có:*  *+ Các mặt đều là hình chữ nhật;*  *+ Các cạnh đều bằng nhau.*  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 6, thực hiện như **HĐ4**, để nhận biết đường chéo của hình hộp chữ nhật.  - GV cho HS đọc nhận xét rút ra trong SGK -tr77.  *Nhận xét: Hình hộp chữ nhật có 4 đường chéo.*  - GV tổng kết và yêu cầu một vài HS nhắc lại các đặc điểm của hình hộp chữ nhật để ghi nhớ.  - GV chiếu Slide, yêu cầu HS thực hiện hoàn thành PBT để củng cố kiến thức.  BT củng cố:  *a) Hình nào sau đây là hình hộp chữ nhật?*  Hình Học 12 Bài 1 - Giải Bài 1 Trang 12 Sgk Hình Học 12Lăng trụ tam giác - uMatrix  Trường học Toán Pitago – Hướng dẫn Giải toán – Hỏi toán - Học toán lớp  3,4,5,6,7,8,9 - Học toán trên mạng - Học toán online  *b) Em hãy chỉ rõ các mặt (những mặt nào là mặt đáy, những mặt nào là mặt bên), các cạnh (những cạnh nào là cạnh đáy, những cạnh nào là cạnh bên), các đỉnh (kể tên từng đỉnh), các đường chéo (kể tên các đường chéo) của hình hộp chữ nhật đó; chỉ rõ những mặt nào là hình chữ nhật; những cạnh bên nào bằng nhau.*  - GV yêu cầu HS trao đổi và cho ví dụ về hình không phải hình hộp chữ nhật.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV: hướng dẫn, giảng, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Đại diện HS giơ tay trình bày câu trả lời.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS mô tả lại các đặc điểm của hình hộp chữ nhật. | **I. Hình hộp chữ nhật**  ***HĐ1:***  a) Vẽ hình 1.    b) Cắt, gấp để tạo lập hình 2.  c) Hình hộp chữ nhật ở Hình 2 có 6 mặt, 12 cạnh và 8 đỉnh.  *Nhận xét: Hình hộp chữ nhật có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh.*  ***HĐ2:***    Hình hộp chữ nhật ABCD. A’B’C’D’ có:   * Gồm có 6 mặt: ABCD; A’B’C’D’; ABB’A’; ADD’A’; BCC’B’; CDD’C’. * Gồm có 12 cạnh: AB; BC; CD; DA; A’B’; B’C’; C’D’; D’A’; AA’; BB’; CC’; DD’. * Gồm có 8 đỉnh: A; B; C; D; A’; B’; C’; D’.   Kết luận: *Ở Hình 3 ta có:*   * *Hình hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D';* * *Đáy dưới ABCD, đáy trên A'B'C'D';*   *Các mặt bên: Â'B'B, BB'C'C, CC'D'D, DD'A'A;*   * *Các cạnh đáy: AB, BC, CD, DA, A'B', B'C', C'D', D'A';*   *Các cạnh bên: AA', BB', CC', DD';*   * *Các đỉnh: A, B, C, D, A', B', C', D'.*   *Chú ý:*Khi ngồi trước một hình hộp chữ nhât như ở Hình 4a, ta chỉ nhìn thấy ba mặt được tô màu, còn một số cạnh không nhìn thấy được. Tuy nhiên, để nhận dạng tốt hơn cả hình hộp chữ nhật, người ta vẫn vẽ các cạnh không nhìn thấy đó, nhưng bằng nét đứt (như Hình 4b).    ***HĐ3:***    a) Mặt AA’D’D là hình chữ nhật.  b) Hai cạnh bên AA’ và DD’ có độ dài bằng nhau.  *Nhận xét: Hình hộp chữ nhật có:*  *+ Các mặt đều là hình chữ nhật;*  *+ Các cạnh đều bằng nhau.*  ***HĐ4:*** SGK trang 77  *Nhận xét: Hình hộp chữ nhật có 4 đường chéo.* |

**Hoạt động 2: Hình lập phương**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận dạng hình lập phương và mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình lập phương.

- Giúp học sinh nhận dạng được hình không gian vẽ trong mặt phẳng hai chiều.

- Mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình lập phương.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoàn thành **HĐ5** sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi vẽ, cắt, tạo dựng hình theo yêu cầu.  - GV hướng dẫn cho HS quan sát từng mặt trao đổi cặp đôi hoàn thành **HĐ6**.  - GV đặt câu hỏi thêm:  *“Theo em, hình lập phương có là hình hộp chữ nhật không?”*  HS thảo luận cặp đôi, GV gợi ý, dẫn dắt để một số HS khá trả lời được: Có thể coi hình lập phương là hình hộp chữ nhật đặc biệt (vì hình vuông cũng là hình chữ nhật đặc biệt).  - GV dẫn dắt, cho HS quan sát, nhận biết, đọc tên các mặt, các cạnh, các đỉnh, các đường chéo của hình lập phương như trong SGK:    *Hình lập phương ABCD. A’B’C’D’ có:*   * *6 mặt: ABCD; A’B’C’D’; ABB’A’; ADD’A’; BCC’B’; CDD’C’.* * *12 cạnh: AB; BC; CD; DA; A’B’; B’C’; C’D’; D’A’; AA’; BB’; CC’ ; DD’.* * *8 đỉnh: A; B; C; D; A’; B’; C’; D’.* * *4 đường chéo: AC’; A’C; BD’; B’D.*   - GV hướng dẫn HS quan sát Hình 10, thảo luận nhóm đôi trao đổi **HĐ7** để nhận biết được đặc điểm mỗi mặt của hình lập phương (*là hình gì?*) và đặc điểm giữa các cạnh của hình lập phương (*có bằng nhau hay không?*)  - GV dẫn dắt cho HS rút ra nhận xét như SGK:  *Nhận xét: Hình lập phương có:*  *+ Các mặt đều là hình vuông;*  *+ Các cạnh đều bằng nhau.*  - GV chú ý cho HS : Cách nhận dạng và mô tả tương tự như hình hộp chữ nhật. Đặc biệt, hình lập phương khác hình hộp chữ nhật là nó có 12 cạnh bằng nhau.  - GV chiếu Slide, yêu cầu HS thực hiện hoàn thành PBT để củng cố kiến thức.  BT củng cố:  *a) Hình nào sau đây là hình hộp lập phương?*  Hình Học 12 Bài 1 - Giải Bài 1 Trang 12 Sgk Hình Học 12Lăng trụ tam giác - uMatrix  Trường học Toán Pitago – Hướng dẫn Giải toán – Hỏi toán - Học toán lớp  3,4,5,6,7,8,9 - Học toán trên mạng - Học toán online  *b) Em hãy chỉ rõ các mặt (những mặt nào là mặt đáy, những mặt nào là mặt bên), các cạnh (những cạnh nào là cạnh đáy, những cạnh nào là cạnh bên), các đỉnh, các đường chéo của hình lập phương đó; chỉ rõ những mặt nào là hình vuông; những cạnh nào bằng nhau.*  - GV yêu cầu HS trao đổi và cho ví dụ về hình không phải hình lập phương.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý,, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS và cho một vài HS mô tả lại đặc điểm của hình lập phương. | **II. Hình lập phương**  ***HĐ5:*** SGK trang 78    *Nhận xét: Hình lập phương có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh, 4 đường chéo.*  ***HĐ6:***    Hình lập phương ABCD. A’B’C’D’ có:   * *6 mặt: ABCD; A’B’C’D’; ABB’A’; ADD’A’; BCC’B’; CDD’C’.* * *12 cạnh: AB; BC; CD; DA; A’B’; B’C’; C’D’; D’A’; AA’; BB’; CC’ ; DD’.* * *8 đỉnh: A; B; C; D; A’; B’; C’; D’.* * *4 đường chéo: AC’; A’C; BD’; B’D.*   ***HĐ7:***    a) Mặt AA’D’D là hình gì vuông.  b) Các cạnh của hình lập phương đó bằng nhau.  *Nhận xét: Hình lập phương có:*  *+ Các mặt đều là hình vuông;*  *+ Các cạnh đều bằng nhau.* |

Ngày dạy: 7E: .../ 9 /2024 7G: / 9 / 2024

**Tiết 2:**

**Hoạt động 3: Diện tích xung quanh và thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương:**

**a) Mục tiêu:**

- Nhớ lại các công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 nhớ lại và nói cho nhau nghe công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  - GV chữa và chốt kiến thức như trong bảng công thức (SGK-tr79).  - HS đọc và tự hoàn thành *Ví dụ 1* vào vở.  - GV cho HS luyện tập, áp dụng công thức hoàn thành bài **Luyện tập**.  - GV cho HS áp dụng công thức, đọc hiểu và tự trình bày lại *Ví dụ 2* vào vở cá nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động nhóm đôi: theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - HĐ cá nhân: HS hoàn thành theo yêu cầu và dẫn dắt của GV.  - GV: giảng, dẫn dắt gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời trình bày miệng/ trình bày bảng  - Lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại các công thức về hình hộp chữ nhật, hình lập phương. | **III. Diện tích xung quanh và thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương**  *Kết luận:*    Ta có một số công thức sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Diện tích xung quanh | Thể tích | | Hình hộp chữ nhật | Sxq = 2(a + b)c | V = abc | | Hình lập phương | Sxq = 4d2 | V = d3 |   *Ví dụ 1:* SGK trang 79  **Luyện tập:**  Diện tích xung quanh của viên gạch là:     2. (220 + 105). 65 = 42 250(mm2)  Thể tích của viên gạch là:     220. 105. 65 = 1 501 500 (mm3)= 15 015 cm3  *Ví dụ 2:* SGK trang 79 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về các đặc điểm của hình lập phương và hình hộp chữ nhật.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện **Bài 1, 2** (SGK - tr80).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập.

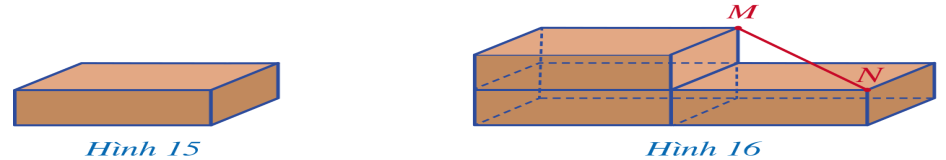
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT mời đại diện 2-3 HS trình bày miệng. Các HS khác chú ý nhận xét bài các bạn và hoàn thành vở.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình hộp chữ nhật** | **Hình lập phương** |
| **Số mặt** | 6 | 6 |
| **Số đỉnh** | 8 | 8 |
| **Số cạnh** | 12 | 12 |
| **Số mặt đáy** | 2 | 2 |
| **Số mặt bên** | 4 | 4 |
| **Số đường chéo** | 4 | 4 |

**Bài 2:**

****

Xếp 3 viên gạch như Hình 16.

Ta có: Độ dài MN cũng chính bằng độ dài đường chéo của viên gạch.

Đo MN, ta được độ dài đường chéo của viên gạch.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

- GV lưu ý lại cho HS kiến thức về hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về ứng dụng của hình lập phương, hình hộp chữ nhật trong thực tế.

- HS vận dụng các công thức giải các bài tập tính toán.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **Bài 3** (SGK - tr80).

- GV phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thành các bài tập trong phiếu.

**PHIẾU BÀI TẬP**

Họ và tên:

Lớp:

**Câu 1.** Quan sát hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’



a) Biết AB = 7 cm ; BC = 5 cm ; AA’ = 6 cm. Tính độ dài các cạnh A’D’ ; A’B’ ; CC’.

b) Nêu các đường chéo của hình hộp chữ nhật.

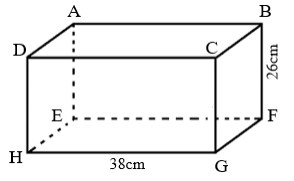
**Câu 2.** Quan sát hình lập phương MNPQ.M’N’P’Q’



a) Kể tên các đỉnh, cạnh và đường chéo của hình lập phương**.**

b) Biết NP = 4 cm. Độ dài các cạnh M’N’; PQ; MN bằng bao nhiêu?

**Câu 3:** Cho hình hộp chữ nhật có kích thước như hình vẽ:



Biết diện tích mặt đáy ABCD là 570 cm2. Tính diện tích mặt bên DAEH.

**Câu 4:**Một bể nước có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 2m. Lúc đầu bể không có nước. Sau khi đổ vào bể 120 thùng nước, mỗi thùng chứa 20 lít nước thì mực nước của bể dâng cao 0,8 m

a) Tính chiều rộng của bể nước

b) Người ta đổ thêm 60 thùng nước nữa thì đầy bể. Hỏi bể cao bao nhiêu mét?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn thành phiếu bài tập theo yêu cầu của GV để củng cố bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu các bài tập của một số HS trên máy chiếu và chữa bài.

**Kết quả:**

**Bài 3:**

+ Ví dụ về hình hộp chữ nhật: Bể cá, viên gạch, tủ lạnh, thùng container…

+ Ví dụ về hình lập phương: xúc xắc, hộp carton...

***- Đáp án phiếu bài tập:***

**Câu 1:** Quan sát hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’

a) A’B’ = AB = 7 cm ; B’C’= BC = 5 cm ; CC’=AA’ = 6 cm.

b) Các đường chéo của hình hộp chữ nhật là: A’C ; B’D ; AC’ ; BD’.

**Câu 2:** Quan sát hình lập phương MNPQ.M’N’P’Q’

a) Các đỉnh: M, N, P, Q, M’, N’, P’, Q’.

Các cạnh: MN, NP, PQ, MQ, MM’, NN’, PP’, QQ’, M’N’, N’P’, P’Q’, M’Q’.

Các đường chéo là: MP’, NQ’, PM’, QN’.

b) Vì hình lập phương có tất cả các cạnh bằng nhau

=> M’N’ = PQ = MN = NP = 4cm.

**Câu 3:**

Vì hình đã cho là hình hộp chữ nhật nên ta có:

AB = DC = EF = HG = 38m;

AE = CG = DH = BF = 26cm;

AD = BC = HE = GF.

Độ dài cạnh AD là: 570: 38 = 15 (cm)

Diện tích mặt bên DAEH là: 26. 15 = 390 (cm2)

Đáp số: 390cm2.

**Câu 4:**

a) Thể tích nước đổ vào: 120 x 20 = 2400 (l) = 2,4 (m3)

Chiều rộng của bể nước: 2,4: (2 x 0,8) = 1,5(m)

b) Thể tích của bể nước: 2400 + (60 x 20 ) = 3600 (l) = 3,6 (m3)

Chiều cao của bể nước: 3,6: (2 x 1,5) = 1,2 (m)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình HS hoàn thành bài.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài, sưu tầm đồ vật, tranh ảnh có dạng hình lập phương, hình hộp chữ nhật theo yêu cầu.

- Ôn lại công thức đã học liên quan đến HLP và HHCN.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Bài 2. Hình lăng trụ đứng tam giác - Hình lăng trụ đứng tứ giác”***

Ký duyệt:

Ngày soạn: .14/9/2023.

Ngày dạy: .../.../...

**Tiết 3,4 . BÀI 2: HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TAM GIÁC –**

# HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TỨ GIÁC

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Năng lực cần đạt :** Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được hình lăng trụ đứng tam giác: có 5 mặt, 9 cạnh, 6 đỉnh; hai mặt đáy cùng là tam giác và song song với nhau; mỗi mặt bên là hình chữ nhật; các cạnh bên bằng nhau; chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác là độ dài một cạnh bên.

- Nhận biết được hình lăng trụ đứng tứ giác: có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh; hai mặt đáy cùng là tứ giác và song song với nhau; mỗi mặt bên là hình chữ nhật; các cạnh bên bằng nhau; chiều cao của hình lăng trụ đứng tứ giác là độ dài một cạnh bên.

- Tính được thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác khi biết độ dài cạnh bên và diện tích đáy của hình đó. Tính được diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác khi biết độ dài cạnh bên và chu vi đáy của hình đó.

- Tính được thể tích của hình lăng trụ đứng tứ giác khi biết độ dài cạnh bên và diện tích đáy của hình đó. Tính được diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tứ giác khi biết độ dài

cạnh bên và chu vi đáy của hình đó.

**3. Định hướng hình thành phẩm chất:**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

- SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT, đồ dùng học tập.

- Một số mô hình về lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác để HS quan sát, nhận dạng. Một số hình khai triển của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác để HS cắt, ghép tạo dựng hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Một số hình ảnh hoặc clip về những vật thể trong thực tế có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (như: lăng kính tam giác, lăng kính tứ giác,..).

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, chuẩn bị một miếng bìa, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 3:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** HS quan sát hình ảnh thực tế của hình lăng trụ đứng và có nhận diện ban đầu về hình lăng trụ đứng.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide hình ảnh thực tế của và dẫn dắt, đặt vấn đề qua bài toán mở đầu:

+ “*Trong thực tiễn, ta thường gặp những đồ vật có dạng hình khối như ở Hình 18 và 19. Những hình khối có dạng như vậy được gọi là hình gì?*”



HS quan sát màn chiếu, trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi mở đầu.

+ GV đặt câu hỏi thêm: “*Các mặt đáy của chúng có dạng hình gì*?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và trao đổi thảo luận trong 2 phút và trả lời câu hỏi mở đầu .

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Từ kết quả của HS, GV dẫn dắt giới thiệu sơ qua về nhận diện hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác kết nối HS vào bài học mới: “Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác là gì? Chúng có đặc điểm như thế nào? Cách tạo lập hình lăng trụ đứng tứ giác, hình lăng trụ đứng tam giác. Để hiểu rõ, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay”.

***Bài 3: Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác.***



**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình lăng trụ đứng tam giác**

**a) Mục tiêu:**

- HS quan sát và có những nhận xét ban đầu về hình lăng trụ đứng tam giác.

- HS nhận xét, nêu được các yếu tố trong hình lăng trụ đứng tam giác.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi thực hiện vẽ, cắt, ghép, tạo dựng hoàn thành yêu cầu của ***HĐ1***.  - Trên cơ sở câu trả lời và nhận xét của HS, GV giới thiệu tên gọi của hình và rút ra nhận xét như trong SGK:  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tam giác có 5 mặt, 9 cạnh, 6 đỉnh.*  - GV hướng dẫn cho HS quan sát Hình 22 trao đổi cặp đôi thực hiện **HĐ2**.  + HS quan sát, nhận biết và gọi tên 5 mặt, 9 cạnh, 6 đỉnh của hình lăng trụ đứng:     * *Hình lăng trụ đứng gồm có 5 mặt: ABC; A’B’C’; ABB’A’; BCC’B’; ACC’A’* * *Hình lăng trụ đứng gồm có 9 cạnh: AB; BC; CA; A’B’; B’C’; C’A’; AA’; BB’; CC’* * *Hình lăng trụ đứng gồm có 6 đỉnh: A; B; C; A’; B’; C’.*   - GV hướng dẫn HS quan sát Hình 23, thảo luận nhóm đôi trao đổi **HĐ3** để nhận biết đặc điểm hai đáy (song song với nhau), mỗi mặt bên (*là hình gì?*) ; đặc điểm giữa các cạnh bên của hình lăng trụ đứng tam giác (*có bằng nhau hay không?*); chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác (là độ dài của cạnh nào).  - GV dẫn dắt cho HS rút ra nhận xét như SGK:  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tam giác có:*  *+ Hai mặt đáy cùng là tam giác và song song với nhau;*  *+ Các cạnh bên bằng nhau;*  *+ Chiều cao là độ dài một cạnh bên.*  - GV chiếu Slide, yêu cầu HS thực hiện hoàn thành PBT để củng cố kiến thức.  BT củng cố:  *a) Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tam giác?*  Hình Học 12 Bài 1 - Giải Bài 1 Trang 12 Sgk Hình Học 12Lăng trụ tam giác - uMatrix  Trường học Toán Pitago – Hướng dẫn Giải toán – Hỏi toán - Học toán lớp  3,4,5,6,7,8,9 - Học toán trên mạng - Học toán online  *b) Em hãy chỉ rõ các mặt (những mặt nào là mặt đáy, những mặt nào là mặt bên), các cạnh (những cạnh nào là cạnh đáy, những cạnh nào là cạnh bên), các đỉnh của hình lăng trụ đứng tam giác đó; chỉ rõ những mặt nào là hình chữ nhật; những cạnh bên nào bằng nhau; chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác (những cạnh nào là chiều cao của hình lăng trụ đó).*  - GV yêu cầu HS cho ví dụ về hình không phải hình lăng trụ đứng tam giác.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý theo dõi SGK, nghe, tiếp nhận kiến thức và hoàn thành theo yêu cầu, dẫn dắt của GV.  - HS hoạt động cặp đôi/ nhóm: theo dõi nội dug SGK thảo luận, trao đổi thực hiện các hoạt động theo dẫn dắt của GV.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt, trinh bày và hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diệ HS giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ/ trình bày bảng.  - Các HS khác hoàn thành vở, chú ý nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình tiếp nhận và hoạt động của học sinh và gọi 1-2 HS nhắc lại khái niệm hình lăng trụ đứng tam giác mô tả các yếu tố chính của hình đó. | **I. Hình lăng trụ đứng tam giác**  ***HĐ1:*** SGK trang 81    Nhận xét: *Lăng trụ đứng tam giác có 5 mặt, 9 cạnh, 6 đỉnh.*  ***HĐ2:***     * *Hình lăng trụ đứng gồm có 5 mặt: ABC; A’B’C’; ABB’A’; BCC’B’; ACC’A’* * *Hình lăng trụ đứng gồm có 9 cạnh: AB; BC; CA; A’B’; B’C’; C’A’; AA’; BB’; CC’* * *Hình lăng trụ đứng gồm có 6 đỉnh: A; B; C; A’; B’; C’.*   ***HĐ3:***    a) Hai đáy gồm: Đáy dưới ABC và đáy trên A’B’C’ là hình tam giác.  b) Mặt bên AA’C’C là hình chữ nhật.  c) Hai cạnh bên AA’ và CC’ có độ dài bằng nhau.  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tam giác có:*  *+ Hai mặt đáy cùng là tam giác và song song với nhau;*  *+ Các cạnh bên bằng nhau;*  *+ Chiều cao là độ dài một cạnh bên.* |

**Hoạt động 2: Hình lăng trụ đứng tứ giác.**

**a) Mục tiêu:**

- HS quan sát và có những nhận xét ban đầu về hình lăng trụ đứng tam giác.

- HS nhận xét, nêu được các yếu tố trong hình lăng trụ đứng tam giác.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi thực hiện vẽ, cắt, ghép, tạo dựng hoàn thành yêu cầu của **HĐ4**.  - Trên cơ sở câu trả lời và nhận xét của HS, GV giới thiệu tên gọi của hình và rút ra nhận xét như trong SGK:  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tứ giác có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh.*  - GV hướng dẫn cho HS quan sát Hình 26 trao đổi cặp đôi thực hiện **HĐ5**.  + HS quan sát, nhận biết và gọi tên 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh của hình lăng trụ đứng tứ giác đó:    *Hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD. A’B’C’D’ có:*   * *6 mặt: ABCD; A’B’C’D’; ABB’A’; ADD’A’; BCC’B’; CDD’C’.* * *12 cạnh: AB; BC; CD; DA; A’B’; B’C’; C’D’; D’A’; AA’; BB’; CC’; DD’.* * *8 đỉnh: A; B; C; D; A’; B’; C’; D’.*   - GV hướng dẫn HS quan sát Hình 27, thảo luận nhóm đôi trao đổi **HĐ6** để nhận biết đặc điểm hai đáy (song song với nhau), mỗi mặt bên (*là hình gì?*) ; đặc điểm giữa mỗi cạnh bên và mặt đáy (có vuông góc với nhau hay không) ; đặc điểm giữa các cạnh bên của hình lăng trụ đứng tam giác (*có bằng nhau hay không?*).  - GV dẫn dắt cho HS rút ra nhận xét như SGK và ghi nhớ:  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tứ giác có:*  *+ Hai mặt đáy cùng là tứ giác và song song với nhau.*  *+ Các cạnh bên bằng nhau.*  *+ Chiều cao là độ dài một cạnh bên.*  - GV đặt câu hỏi thêm: *Theo em, hình hộp chữ nhật và hình lập phương có là hình lăng trụ đứng tứ giác không? Vì sao?*  - GV chiếu Slide, yêu cầu HS thực hiện hoàn thành PBT để củng cố kiến thức.  BT củng cố:  *a) Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tứ giác?*  Hình Học 12 Bài 1 - Giải Bài 1 Trang 12 Sgk Hình Học 12Lăng trụ tam giác - uMatrix  Hình chóp tứ giác - uMatrixToán 12 - Thể tích khối chóp cụt | Cộng đồng Học sinh Việt Nam - HOCMAI  Forum  *b) Em hãy chỉ rõ các mặt (những mặt nào là mặt đáy, những mặt nào là mặt bên), các cạnh (những cạnh nào là cạnh đáy, những cạnh nào là cạnh bên), các đỉnh của hình lăng trụ đứng tứ giác đó; chỉ rõ những mặt nào là hình chữ nhật; những cạnh bên nào bằng nhau; chiều cao của hình lăng trụ đứng tứ giác (những cạnh nào là chiều cao của hình lăng trụ đó).*  - GV yêu cầu HS cho ví dụ về hình không phải hình lăng trụ đứng tứ giác.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý theo dõi SGK, nghe, tiếp nhận kiến thức và hoàn thành theo yêu cầu, dẫn dắt của GV.  - HS hoạt động cặp đôi/ nhóm: theo dõi nội dung SGK thảo luận, trao đổi thực hiện các hoạt động theo dẫn dắt của GV.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt, trinh bày và hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện HS giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ/ trình bày bảng.  - Các HS khác hoàn thành vở, chú ý nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình tiếp nhận và hoạt động của học sinh và gọi 1-2 HS nhắc lại khái niệm hình lăng trụ đứng tứ giác mô tả các yếu tố chính của hình đó. | **2. Hình lăng trụ đứng tứ giác.**  ***HĐ4:*** SGK trang 82 - 83  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tứ giác có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh.*  ***HĐ5:***    Hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD. A’B’C’D’ có:   * 6 mặt: ABCD; A’B’C’D’; ABB’A’; ADD’A’; BCC’B’; CDD’C’. * 12 cạnh: AB; BC; CD; DA; A’B’; B’C’; C’D’; D’A’; AA’; BB’; CC’; DD’. * 8 đỉnh: A; B; C; D; A’; B’; C’; D’.   ***HĐ6:***    a) Đáy dưới ABCD và đáy trên A’B’C’D’ là hình tứ giác  b) Mặt bên AA’D’D là hình chữ nhật  c) Độ dài hai cạnh bên AA’ và DD’ bằng nhau.  Nhận xét: *Lăng trụ đứng tứ giác có:*  *+ Hai mặt đáy cùng là tứ giác và song song với nhau.*  *+ Các cạnh bên bằng nhau.*  *+ Chiều cao là độ dài một cạnh bên.*  *Lưu ý:* Hình hộp chữ nhật và hình lập phương cũng là hình lăng trụ đứng tứ giác. |

**Tiết 4.**

**Hoạt động 3: Thể tích và diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu và ghi nhớ công thức tính thể tích và diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác.

- HS biết cách áp dụng công thức để giải bài toán:

+ Tính thể tích và diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác khi biết độ dài cạnh bên và diện tích đáy của hình đó.

+ Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác khi biết độ dài cạnh bên và chu vi đáy của hình đó.

- HS hiểu và ghi nhớ công thức tính thể tích và diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tứ giác.

- HS biết cách áp dụng thức để giải bài toán:

+ Tính thể tích của hình lăng trụ đứng tứ giác khi biết độ dài cạnh bên và diện tích đáy của hình đó.

+ Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tứ giác khi biết độ dài cạnh bên và chu vi đáy của hình đó.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuẩn bị, dẫn dắt và cho HS quan sát mô hình về khối hộp chữ nhật (khối rỗng bằng nhựa trong, có chia đơn vị, để có thể đổ cát vào trong, theo từng lớp, qua đó hình dung về thể tích hình này).  + GV hướng dẫn HS thực hiện, nhớ lại cách tính thể tích khối hộp chữ nhật. (GV gọi HS nhắc lại công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật).  - GV hướng dẫn, tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi thực hiện **HĐ7** (SGK – tr84).  GV dẫn dắt, giảng giải cho HS nhận biết công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng tam giác và cách tính thể tích hình lăng trụ đứng tam giác như trong khung kiến thức trọng tâm.  - GV yêu cầu HS quan sát các hình 28, 29 và đọc nội dung trong khung kiến thức trọng tâm để ghi nhớ kiến thức.  - GV cho HS viết công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác (hình lăng trụ đứng tứ giác) và giải thích từng thành tố có trong công thức đó.  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức vừa học để hoàn thành bài tập sau:  **BTT:***Em hãy tính thể tích của hình lăng trụ đứng trong hình sau:*    - GV tổ chức hoạt động nhóm cho HS đọc, trao đổi nhóm 4 hoàn thành **HĐ8**.  - GV dẫn dắt, hướng rút ra công thức diện tích xung quanh của lăng trụ đứng tam giác (lăng trụ đứng tứ giác) như trong khung kiến thức trọng tâm.  - GV cho HS viết công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác (hình lăng trụ đứng tứ giác) và giải thích từng thành tố có trong công thức đó.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu, vận dụng kiến thức vừa học để hoàn thành bài tập *Ví dụ* (SGK-tr85).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện hoàn thành các bài tập ví dụ và các bài thực hành, vận dụng theo sự điều hành, tổ chức củ GV để rèn luyện kĩ năng tính toán.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HĐ nhóm: Đại diện HS trình bày kết quả.  - HĐ cá nhân: HS giơ tay phát biểu trình bày bảng.  - Lớp chú ý nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá quá trình tham gia tiếp nhận kiến thức của HS, yêu cầu HS hoàn thành vở đầy đủ và mời một vài bạn nhắc lại cách diện tích xung quanh về thể tích của một số hình khối. | **III. Thể tích và diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.**  **HĐ7.**    Công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật là: **S.h**  Trong đó: S là diện tích đáy;  h là chiều cao của hình hộp.  Kết luận: *Thể tích của hình lăng trụ đứng tứ giác bằng diện tích đáy nhân với chiều cao.*  Kết luận: *Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác bằng diện tích đáy nhân với chiều cao.*  **BTT.**    Thể tích hình lăng trụ đứng trong hình trên là:  V = Sđáy . h = 26 . 12 = 312 (cm3)  **HĐ8:**    a) Diện tích hình chữ nhật MNPQ là: S = MN. NP = h.(b + c + a).  b) Chu vi đáy của hình lăng trụ tam giác là: CABC = a + b + c  Tích chu vi đáy của hình lăng trụ đứng tam giác ABC.A’B’C’ và chiều cao của hình lăng trụ đó là:  (a + b + c). h  Như vậy, diện tích của hình chữ nhật MNPQ bằng tích chu vi đáy của hình lăng trụ đứng tam giác ABC.A’B’C’ và chiều cao của hình lăng trụ đó.  c) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác ABC.A’B’C’ là:  Sxq = SABB'A' + SACC'A' + SBCC'B' = h.c + h.b + h.a = h.(c + b + a)  Vậy diện tích của hình chữ nhật MNPQ bằng diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác ABC.A’B’C’.  Kết luận:  *Diện tích xung quanh của hình lắng trụ đứng tam giác hay hình lăng trụ đứng tứ giác bằng chu vi đáy nhân với chiều cao.*  *Ví dụ:* SGK trang 85 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về các đặc điểm hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **Bài 1, 2, 3** (SGK - tr85, 86).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV tự hoàn thành các bài tập vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện 1-2 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

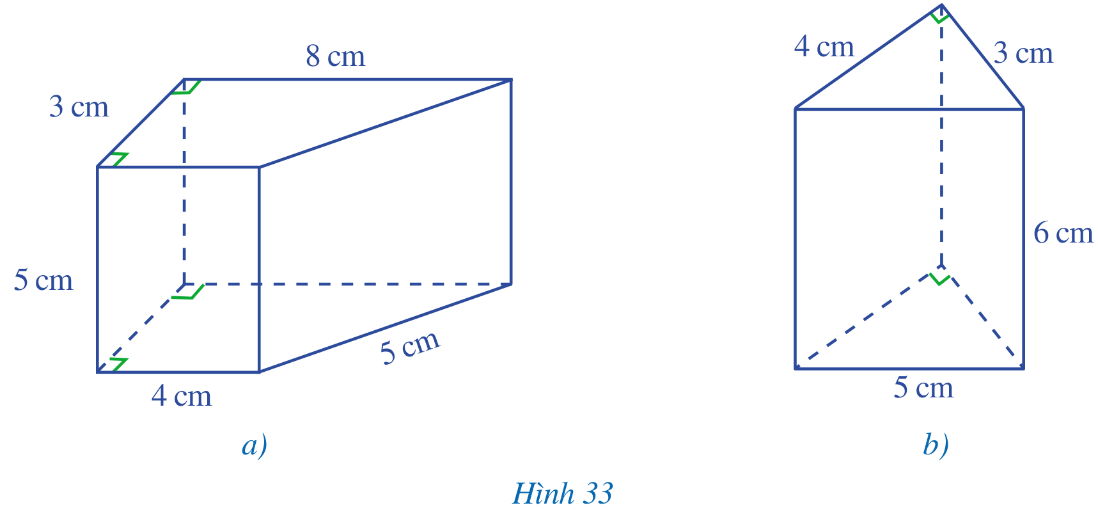
**Bài 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình lăng trụ đứng tam giác** | **Hình lăng trụ đứng tứ giác** |
| **Số mặt** | 5 | 6 |
| **Số đỉnh** | 6 | 8 |
| **Số cạnh** | 9 | 12 |
| **Số mặt đáy** | 2 | 2 |
| **Số mặt bên** | 3 | 4 |

**Bài 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình lăng trụ đứng tam giác** | **Hình lăng trụ đứng tứ giác** |
| **Các mặt đáy song song với nhau** | Đ | Đ |
| **Các mặt đáy là tam giác** | Đ | S |
| **Các mặt đáy là tứ giác** | S | Đ |
| **Các mặt bên là hình chữ nhật** | Đ | Đ |
| **Thể tích bằng diện tích đáy nhân với độ dài cạnh bên** | Đ | Đ |
| **Diện tích xung quanh bằng chu vi đáy nhân với độ dài cạnh bên.** | S | Đ |

**Bài 3:**

****

i) Hình 33b là hình lăng trụ đứng tam giác

Hình 33a là hình lăng trụ đứng tứ giác

ii) Hình 33a: Sxq = 2. (3 + 4 + 5 + 8). 5 = 200 (cm2)

Hình 33b: Sxq = (3 + 4 + 5). 6 = 72 (cm2)

iii) Hình 33a: Diện tích đáy là: (8 + 4). 3: 2 = 18 (cm2)

V = 18.5 = 90 (cm3)

Hình 33b: V = 3. 4. 6 = 72 (cm3)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra hoàn thành bài nhanh và đúng.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi thực hiện làm các bài tập liên quan đến các đặc điểm hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác ; tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng kiến thức vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

- Giáo dục cho HS phẩm chất yêu quê hương, đất nước.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

*- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi trắc nghiệm để củng cố các kiến thức về hình lăng trụ đứng tứ giác, lăng trụ đứng tam giác.*

**Câu 1:** Chọn câu đúng.

A. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là các hình chữ nhật.

B. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là các hình thang cân.

C. Các mặt đáy của hình lăng trụ đứng là các hình chữ nhật.

D. Các mặt đáy của hình lăng trụ đứng là các hình tam giác.

**Câu 2:** Các cạnh bên của hình lăng trụ đứng

A. Song song với nhau

B. Bằng nhau

C. Vuông góc với hai đáy

D. Có cả ba tính chất trên

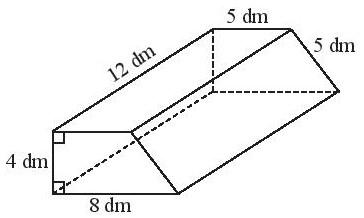
**Câu 3:** Tính thể tích của hình lăng trụ đứng có chiều cao 20 cm, đáy là một tam giác vuông có các cạnh góc vuông bằng 8 cm và 10 cm:

A. 800 cm3 B. 400 cm3 C. 600 cm3 D. 500 cm3

**Câu 4:**Cho một hình lăng trụ đứng tứ giác có thể tích V, diện tích đáy là S, chiều cao hình lăng trụ được tính theo công thức:

A. h = B. h = C. h = D. h =

**Câu 5:** Một cái bục hình lăng trụ đứng có kích thước như hình dưới đây. Người ta muốn sơn tất cả các mặt của cái bục. Diện tích cần phải sơn là bao nhiêu?



A. 312 dm2 B. 264 dm2 C. 316 dm2 D. 254 dm2

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn thành các bài tập theo tổ chức của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS giơ tay phát biểu, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

**Kết quả:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 |
| A | D | A | C | C |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình học.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành bài tập SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Bài tập cuối chương III***”.

Ký duyệt:

Ngày soạn: 25/ 9 / 2023.

Ngày dạy: .../.../...

**Tiết 5: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 3 (1 tiết)**

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Năng lực cần đạt:** Học xong bài này,HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

- Mô tả các đặc điểm về yếu tố: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- Mô tả và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**2. Định hướng hình thành phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT,..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu với các nội dung như sau:

+ Nhóm 1 + Nhóm 3: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT – HÌNH LẬP PHƯƠNG

* Hình hộp chữ nhật: Các đặc điểm ; Diện tích xung quanh; Thể tích
* Hình lập phương: Các đặc điểm ; Diện tích xung quanh; Thể tích

+ Nhóm 2 + Nhóm 4: HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TAM GIÁC - HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TỨ GIÁC:

* Hình lăng trụ đứng tam giác: Các đặc điểm ; Diện tích xung quanh; Thể tích
* Hình lăng trụ đứng tứ giác: Các đặc điểm ; Diện tích xung quanh; Thể tích

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các thành viên chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình, GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.



**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** HS củng cố và rèn luyện các kĩ năng:

- Mô tả các đặc điểm về yếu tố: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương; hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương của hình lập phương, hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác giải quyết một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập **Bài 1, 2, 3** (SGK-tr87)sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.(SGK - tr87).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành cá nhân, trao đổi nhóm thực hiện các bài tập GV yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- BT1: GV treo bảng phụ, mời HS lên hoàn thành bảng.

- Các BT còn lại, mỗi BT GV mời đại diện 1-2 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình hộp chữ nhật** | **Hình lập phương** |
| Các mặt đều là hình vuông | S | Đ |
| Các cạnh đều bằng nhau | Đ | Đ |
| Các cạnh bằng nhau | S | Đ |

**Bài 2:**

a) Diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng:

Sxq = (4 + 5 + 6).10 = 150 (cm2)

b) Chu vi đáy hình lăng trụ: 8 + 18 + 13 + 13 = 52 (cm)

Diện tích đáy hình lăng trụ: Sđáy = (8 + 18). 12 : 2 = 156 (cm2)

Diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng đã cho là:

Stp = Sxq + 2. Sđáy = 52. 20 + 2. 156 = 1 352 (cm2)

**Bài 3:**

a) Thể tích hình lập phương đó là: V = 33 =27 (cm3)

b) Cạnh của hình lập phương mới là: 2. 3 = 6 (cm)

Thể tích của hình lập phương mới là: V’ = 63 = 216 (cm3)

Thể tích hình lập phương mới gấp số lần thể tích của hình lập phương ban đầu là:  216 : 27 = 8 (lần)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra hoàn thành bài nhanh và đúng.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi thực hiện tính toán các bài toán tính diện tích xung quanh, toàn phần và thể tích của các hình khối đã học

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **BT4,5** (SGK - tr87) vào vở bài tập cá nhân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV.

- GV bao quát, hướng dẫn, giúp đỡ HS.

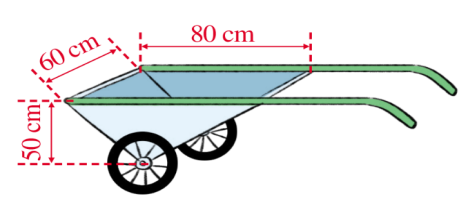
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động cặp đôi: Đại diện hai học sinh trình bày bảng.

- Lớp chú ý lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Các HS chữa bài vào vở đầy đủ.

**Kết quả:**

**Bài 4:**

****

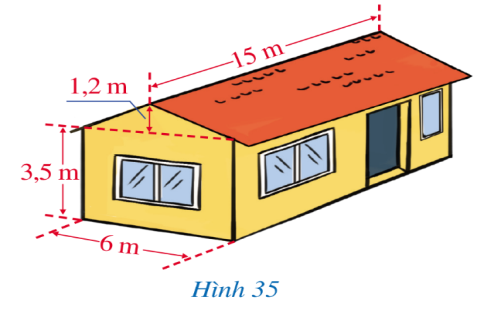
Thùng chứa là hình lăng trụ tam giác có cạnh bên là 60 cm, cạnh đáy là 80 cm, chiều cao ứng với đáy đó là 50 cm.

Diện tích đáy của hình lăng trụ tam giác là: Sđáy = 50. 80 : 2 = 2 000 (cm2)

Thùng chứa của xe chở hai bánh đó có thể tích bằng:

V = Sđáy. h = 2 000. 60 = 120 000 (cm3) = 120 lít

**Bài 5:**

****

Thể tích phần không gian có dạng hình lăng trụ tam giác là:

V1 = (6. 1,2. ) . 15= 54 (m3)

Thể tích phần không gian có dạng hình hộp chữ nhật là:

V2 = 15. 6. 3,5 = 315 (m3)

Thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó là:

V = V1 + V2 = 54 + 315 = 369 (m3)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động trao đổi cặp đôi của HS.

- GV lưu ý lại một làn nữa các lỗi sai hay mắc phải khi giải các bài tập liên quan đến các hình khối.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức trong chương, ghi nhớ các đặc điểm và các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích các hình khối.

- Hoàn thành các bài tập SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Hoạt động thực hành và trải nghiệm*** *-* ***Chủ đề 2: Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng***”:

+ Tìm hiểu hình ảnh về những đồ vật được thiết kế, chế tạo ở dạng hình lăng trụ đứng.

**Ký duyệt:**

Ngày soạn: 5/10./ 2023.

Ngày dạy: …/…/…

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM:**

**Tiết 6,7. CHỦ ĐỀ 2: TẠO ĐỒ DÙNG DẠNG HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG (2 TIẾT)**

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Năng lực cần đạt:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách và tạo được đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng.

- Vận dụng được kiến thức về lăng trụ đứng để tạo đồ dùng hình lăng trụ.

- Tạo dựng đồ vật có dạng hình lăng trụ đứng.

**2. Định hướng hình thành phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án, đồ dùng dạy học,thước thẳng có chia khoảng.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, hình ảnh về những đồ vật được thiết kế, chế tạo ở dạng hình lăng trụ đứng, dụng cụ như giấy màu, kéo, bìa cứng, keo dán, các que kem...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại các kiến thức về hình lăng trụ đứng.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đặt câu hỏi:

Nêu đặc điểm hình lăng trụ đứng tam giác và lăng trụ đứng tứ giác về  
+ Mặt đáy là hình gì, các mặt đáy như thế nào với nhau?

+ Các mặt bên là hình gì?

+ Các cạnh bên có tính chất gì với nhau? Chiều cao của lăng trụ đứng là độ dài đoạn nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

HS trả lời:

+ Mặt đáy là hình tam giác hoặc tứ giác, các mặt đáy song song với nhau.

+ Các mặt bên đều là hình chữ nhật.

+ Các cạnh bên bằng nhau. Chiều cao là độ dài một cạnh bên.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: "Chúng ta đã được học về hình lăng trụ đứng tam giác và lăng trụ đứng tứ giác ở các bài học trước. Trong thực tế có nhiều đồ vật được thiết kế, chế tạo ở dạng hình lăng trụ đứng mà đáy không chỉ là tam giác hoặc tứ giác mà còn là ngũ giác, lục giác,... Trong chủ đề này, chúng ta sẽ làm quen với việc tạo dựng những đồ vật có hình dạng như thế."

Dự kiến phân phối tiết học:

- Tiết 1: Hoạt động cá nhân và nhóm để đưa ra hình ảnh đã tìm được.

+ Thảo luận phương án tạo đồ vật và phân công nhiệm vụ theo nhóm.

- Tiết 2: HS thực hiện theo sự phân công trong nhóm, tạo đồ vật.

- Tiết 3: HS trình bày sản phẩm, HS và GV đánh giá hoạt động.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Tìm hiểu các hình ảnh về vật thể có dạng hình lăng trụ đứng.**

**a) Mục tiêu:**

- HS tìm được các hình ảnh về vật thể trong thực tiễn cuộc sống có dạng hình lăng trụ đứng.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS tìm hình ảnh theo cá nhân ở nhà.

- Trong tiết học, GV chia lớp thành nhóm 4, mỗi nhóm sẽ tập hợp các hình ảnh của các bạn trong nhóm.

+ GV cho HS thi đua, nhóm nào có nhiều ảnh nhất (không trùng đối tượng).

- GV cho chọn hình ảnh bất kì yêu cầu HS mô hình hóa thành hình lăng trụ đứng bằng cách chỉ ra mặt đáy và các cạnh bên của đồ vật trong ảnh.

- GV giới thiệu thêm một số hình ảnh lăng trụ đứng đáy là ngũ giác, lục giác.



(Chiếc đèn lồng có hình dạng lăng trụ đứng đáy là lục giác)

(Viên gạch hình lăng trụ đứng lục giác)

+ HS hãy chỉ ra mặt đáy và các cạnh bên của các hình vừa được chiếu. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận đưa ra các hình ảnh và trả lời câu hỏi về hình lăng trụ đứng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay phát biểu, trình bày kết quả.

- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng kết lại: Có rất nhiều đồ vật có dạng hình lăng trụ đứng.

**-** GV nhận xét hình ảnh của các nhóm.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**Tạo đồ vật có hình lăng trụ**

**a) Mục tiêu:**

- HS tạo được đồ vật có hình lăng trụ.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành nhóm 6 – 8 người, thực hiện hoạt động: Tạo hộp chứa có dạng hình lăng trụ đứng.

+ Mỗi nhóm sẽ tạo một sản phẩm hình lăng trụ đứng.

- GV cho HS quan sát một số video về cách làm một số đồ vật:

<https://www.youtube.com/watch?v=62m8r5DrztA>

<https://www.youtube.com/watch?v=Nu9Mj0GJ2Rs>

(làm lịch có hình lăng trụ đứng bằng bìa giấy)

<https://www.youtube.com/watch?v=sRTcYDI1x8o>

(Làm kệ để sách)

<https://www.youtube.com/watch?v=1Emj8y_cjVU>

(làm đèn kéo quân, từ phút thứ 6:15)

- GV cho HS thảo luận theo nhóm, lựa chọn đồ vật để thực hiện, cách thức tiến hành và phân công thực hiện.

- HS thực hiện và đánh giá hoạt động cá nhân, hoạt động của nhóm theo

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe và thực hiện các yêu cầu của GV.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm trình bày ý tưởng thiết và cách thức tạo các sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV cho các nhóm đánh giá hoạt động cá nhân và đánh giá hoạt động sản phẩm của nhóm.

**Mẫu 1**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN**

Họ và tên:

Nhóm:

Điểm đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý thức trách nhiệm** | **Ý thức hợp tác, tôn trọng, lắng nghe** | **Ý thức tổ chức, kỉ luật** | **Khả năng lãnh đạo nhóm** | **Khả năng sáng tạo trong công việc** | **Kết quả thực hiện công việc được giao** | **Tổng điểm** |
| **Điểm** |  |  |  |  |  |  |  |

Tốt: 3 điểm

Khá: 2 điểm

Trung bình: 1 điểm

Yếu: 0 điểm

**Mẫu 2**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN THEO NHÓM**

Tên nhóm:

Điểm đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ý thức trách nhiệm** | **Ý thức hợp tác, tôn trọng, lắng nghe** | **Ý thức tổ chức, kỉ luật** | **Khả năng lãnh đạo nhóm** | **Khả năng sáng tạo trong công việc** | **Kết quả thực hiện công việc được giao** | **Tổng điểm** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tốt: 3 điểm

Khá: 2 điểm

Trung bình: 1 điểm

Yếu: 0 điểm

**Mẫu 3**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Nhóm: ……………………

Lớp: ……………………………………………………………

Tên hoạt động: ……………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục đánh giá** | **Tiêu chí** | | |
| **Chi tiết** | **Điểm tối đa** | **Kết quả** |
| 1.Đánh giá quá trình hoạt động của nhóm  *(Điểm tối đa 30)* | 1. Sự tham gia của các thành viên: tham gia đầy đủ | 10 |  |
| 2. Sự hợp tác của các thanh viên: tinh thần hợp tác tốt | 10 |  |
| 3. Sự sắp xếp thời gian hoạt động: nhanh, hợp lí | 10 |  |
| 2. Đánh giá bài thuyết trình kế hoạch của nhóm  *(Điểm tối đa 30)* | 1. Ý tưởng: thu hút, sáng tạo, khả thi | 10 |  |
| 2. Nội dung: kế hoạch rõ ràng, chi tiết, cụ thể, tính toán chính xác | 10 |  |
| 3. Trình bày: mạch lạc, cuốn hút, thuyết phục | 10 |  |
| 3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh  *(Điểm tối đa 40)* | 1.Marketing | 20 |  |
| 2. Lợi nhuận | 20 |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | | 100 |  |

Ngày soạn: ……/……./2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

**CHƯƠNG IV. GÓC. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**Tiết 8, 9. BÀI 1: GÓC Ở VỊ TRÍ ĐẶC BIỆT (2 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Yêu cầu cần đạt:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được hai tia nằm về hai phía của một đường thẳng, tia nằm trong góc.

- Nhận biết được hai góc kề nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh và những tính chất (đề cập trong bài).

- Bước đầu nhận biết được một số vật thể trong thực tiễn có dạng hai góc kề nhau, hai góc kề bù hay hai góc đối đỉnh.

**2. Phẩm chất.**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

- Một số mô hình về hai góc kề nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh để HS quan sát, nhận dạng, .. .

- Một số hình ảnh hoặc clip (nếu có điều kiện về những vật thể trong thực tế có dạng hai góc kề nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh (như: góc giữa kim giờ, kim phút, kim giây của đồng hồ; góc giữa các chấn song cửa sổ, ...) để minh hoạ.

**2. Học sinh**

SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn tập lại kiến thức về góc, số đo góc; đọc trước nội dung bài mới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

A picture containing text, clock, time

Description automatically generated- HS có biểu tượng về vị trí ba tia chung gốc, tạo nên hình ảnh của hai góc có một cạnh chung

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide về mặt đồng hồ cho HS quan sát và đặt câu hỏi: *Quan sát hai góc: góc tạo bởi kim giờ và kim phút; góc tạo bởi kim phút và kim giây. Hai góc này có liên hệ gì đặc biệt?*

HS quan sát màn chiếu, trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới:

***Bài 1: Góc ở vị trí đặc biệt***



**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hai góc kề nhau**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được hai góc kề nhau

- HS biết và ghi nhớ được một số tính chất liên quan đến hai góc kề nhau.

*-* Vận dụng kiến thức về hai góc kề nhau để giải một số bài tập liên quan.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, trả lời các yêu cầu trong **HĐ1**  🡪 HS vẽ hình vào vở và đưa ra nhận xét, đại diện HS lên bảng vẽ hình.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vừa vẽ và đọc nhận xét trong SGK – tr90 để ghi nhớ kiến thức về hai tia nằm về hai phía của một đường thẳng  - GV giải thích để HS nhận biết được hai tia nằm về hai phía của một đường thẳng theo trường hợp hình vẽ cụ thể.  - GV chiếu một số hình vẽ, yêu cầu HS chỉ ra trường hợp nào thì có hai tia nằm về hai phía của một đường thẳng và chỉ rõ đó là hai tia nào nằm về hai phía của đường thẳng nào?    - GV yêu cầu HS tìm thêm ví dụ về hai đường thẳng không nằm về hai phái của một đường thẳng.  - GV hướng dẫn cho HS trao đổi cặp đôi hoàn thành các yêu cầu của **HĐ2**.  - Sau khi thực hiện xong **HĐ2,** GV yêu cầu HS đọc nhận xét ở ngay sau **HĐ2** và xem *Hình 3* để ghi nhớ kiến thức mới về hai góc kề nhau  - GV giải thích để HS nhận biết được hai góc kề nhau theo trường hợp hình vẽ cụ thể.  - GV yêu cầu HS lấy ví dụ thêm về trường hợp hai góc kề nhau và trường hợp hai góc không kề nhau.  - GV nhấn mạnh với HS: *Hai góc xOy và zOy (như hình 3 hay hình 4) là hai góc kề nhau khi tia Oy là cạnh chung còn hai tia Ox và Oz nằm về hai phía của đường thẳng yy’ (chứa tia Oy và tia đối của tia Oy)*  *-* GV yêu cầu HS đọc phần *Chú ý* và xem *Hình 3* để ghi nhớ tính chất : *Nếu tia Oy nằm trong góc thì , là hai góc kề nhau và*  *-* GV yêu cầu HS đọc, hoàn thành các yêu cầu trong *Ví dụ 1* để thực hành luyện tập về hai góc kề nhau.  - GV lưu ý, nhấn mạnh cho HS nội dung phần *Chú ý* (SGK – tr 91):  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, luyện tập thêm về hai góc kề bù thông qua việc hoàn thành *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS vận dụng các kiến thức về hai góc kề nhau để trả lời câu hỏi trong phần **Luyện tập 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV: hướng dẫn, giảng, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Đại diện HS giơ tay trình bày câu trả lời.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại tính chất về hai góc kề nhau. | **I. Hai góc kề nhau**  ***HĐ1:***  a)    b) Đoạn thẳng AB cắt đường thẳng xy  *Nhận xét: Hai tia Oz, Ot ở Hình 2 có tính chất sau: Đoạn thẳng AB nối điểm A bất kì trên tia Oz (A khác 0) với điểm B bất kì trên tia Ot (B khác 0) thì cắt đường thẳng xy. Hai tia Oz và Ot như vậy gọi là nằm về hai phía của đường thẳng xy.*  ***HĐ2:***  a) Đỉnh của góc xOy và zOy cùng là đỉnh O; cạnh chung là cạnh Oy  b) Vẽ hình    c) Hai tia Ox và Oz nằm về hai phía của đường thẳng yy’ *Nhận xét:* *Hai góc xOy và zOy Ở Hình 3 có tính chất sau: Hai góc đó có đỉnh chung, có một cạnh chung và hai cạnh còn lại nằm về hai phía của đường thẳng chứa cạnh chung đó. Hai góc xOy và zOy như vậy gọi là hai góc kề nhau. Tương tự, hai góc xOy và zOy ở Hình 4 cũng là hai góc kề nhau.*    *Ví dụ 1. (SGK – tr91)*  *Chú ý:*  • Cho góc xOz (khác góc bẹt) và tia Oy nằm trong góc đó, tức là mỗi điểm M (M khác 0) của tia Oy đều là điểm trong của góc xOz. Khi đó hai góc xOy và yOz là hai góc kề nhau và  • Nếu góc xOy là góc bẹt thì với mỗi tia Oy (khác hai tia Ox, Oz), ta cũng có:  *Ví dụ 2 (SGK – tr91,92)*  *-* ***Luyện tập 2.***  Hai góc mOn và pOn có là hai góc kề nhau vì có đỉnh O chung, cạnh On chung, 2 cạnh còn lại là Om và Op nằm về hai phía so với đường thẳng chứa On.  Vì On nằm trong góc mOp nên  Vậy |

**Hoạt động 2: Hai góc bù nhau. Hai góc kề bù.**

**a) Mục tiêu:**

- HS ghi nhớ định nghĩa hai góc bù nhau và hai góc kề bù.

- HS lấy được ví dụ về hai góc không phải là hai góc bù nhau, hai góc không phải là hai góc kề bù.

- Vận dụng các kiến thức về hai góc bù nhau, hai góc kề bù để giải các bài tập cụ thể

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS hoàn thành **HĐ3** để tìm hiểu về hai góc bù nhau.  - GV giới thiệu cho HS về định nghĩa hai góc bù nhau, yêu cầu HS nhắc lại định nghĩa để ghi nhớ kiến thức mới về hai góc bù nhau.  - GV hướng dẫn HS trao đổi cặp đôi vẽ hình và thực hiện các yêu cầu trong **HĐ4**.  - GV yêu cầu HS đọc định nghĩa ở ngày sau HDD4 và quan sát hình vừa vẽ dể ghi nhớ kiến thức mới về hai góc kề bù.  🡪 GV giải thích dựa trên trường hợp hình vẽ cụ thể để HS hiểu được về hai góc kề bù  - GV nhấn mạnh với HS: *Hai góc xOt và yOt là hai góc kề bù khi có tia Ot là cạnh chung còn Ox, Oy là hai tia đối nhau.*  *-* GV hướng dẫn HS đọc nội dung kiến thức ở khung *Lưu ý* SGK – tr92 và xem *Hình 10* để ghi nhớ tính chất về hai góc kề bù.  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành *Ví dụ 3* để thực hành luyện tập về hai góc kề bù *(HS lưu ý chỉ rõ điểm nào là đỉnh chung, tia nào là cạnh chung, còn hai tia nào là hai tia đối nhau?)*  - GV chiếu một số hình vẽ, trong đó có trường hợp hình vẽ hai góc có tổng bằng 1800, yêu cầu HS quan sát và chỉ ra trường hợp nào thì có hai góc kề bù, giải thích tại sao.      🡪 GV chý ý với HS: *Hai góc có tổng bằng 1800 chưa chắc đã là hai góc kề bù.*  - GV yêu cầu HS lấy thêm ví dụ về hai góc không phải là hai góc kề bù.  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành **Luyện tập 3** để HS luyện tập thêm về hai góc kề bù.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý,, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS và cho một vài HS mô tả lại đặc điểm của hình lập phương. | **II. Hai góc bù nhau. Hai góc kề bù**  ***HĐ3:*** SGK trang 92  Hai góc có tổng số đo là:  *Định nghĩa: Hai góc bù nhau là hai góc có tổng số đo bằng 1800*  ***HĐ4:***  a) Hai góc xOt và yOt là hai góc kề nhau vì có đỉnh O chung, cạnh Ot chung, 2 cạnh còn lại là Ox và Oy nằm về hai phía so với đường thẳng chứa tia Ot  b) Vì tia Ot nằm trong góc xOy nên:  Mà (góc bẹt)  *Định nghĩa:Hai góc vừa kề nhau, vừa bù nhau gọi là hai góc kề bù.*  *- Ví dụ 3. (SGK – tr92)*  ***- Luyện tập 3***  Ta có*:* |

**Hoạt động 3: Hai góc đối đỉnh**

**a) Mục tiêu:**

- HS ghi nhớ kiến thức về định nghĩa và nhận biết được hai góc đối đỉnh

- HS ghi nhớ tính chất về hai góc đối đỉnh và vận dụng tính chất để giải các bài tập liên quan.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn học sinh vẽ hình (theo các yêu cầu) để có *Hình 13* ở **HĐ5**  **-** GV yêu cầu HS quan sát hình vừa vẽ, thảo luận nhóm đôi trả lời các yêu cầu trong **HĐ5**  - GV chữa bài làm của HS và đưa ra định nghĩa về hai góc đối đỉnh, yêu cầu HS chỉ ra các góc đối đỉnh trong *Hình 13.*    *-* GV nhấn mạnh: *Ở Hình 13, hai góc xOz và yOt là hai góc đối đỉnh khi Ox và Oy là hai tia đối nhau, đồng thời Oz và Ot cũng là hai tia đối nhau.*  *-* GV yêu cầu HS lấy ví dụ về 2 góc không đối đỉnh để hiểu rõ hơn về hai góc đối đỉnh.  - GV tổ chức cho HS thực hành luyện về hai góc đối đỉnh thông qua *Ví dụ 4.*  *-* Khi HS đã hiểu rõ về định nghĩa và nhận biết được hai góc đối đỉnh, GV chiếu *Hình 15* cho HS quan sát, hướng dẫn HS thảo luận thực hiện các yêu cầu của **HĐ6**  - HS đọc và tự hoàn thành *Ví dụ 5* vào vở.  - GV cho HS luyện tập thêm về hai góc đối đỉnh thông qua việc hoàn thành bài **Luyện tập 4**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động nhóm đôi: theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - HĐ cá nhân: HS hoàn thành theo yêu cầu và dẫn dắt của GV.  - GV: giảng, dẫn dắt gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời trình bày miệng/ trình bày bảng  - Lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại về định nghĩa và tính chất của hai góc đối đỉnh | **III. Hai góc đối đỉnh**  **HĐ5.**  a) Cạnh Ox của góc xOz là tia đối của cạnh Oy của góc yOt.  b) Cạnh Oz của góc xOz là tia đối của cạnh Ot của góc yOt.  *Kết luận:*  *Hai góc đối đỉnh là hai góc mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.*  *- Ví dụ 4.* (SGK – tr93)  **HĐ6.**  a) Vì 2 góc có chung gốc O, chung cạnh Oy, 2 cạnh còn lại là Ox và Oz nằm về hai phía đối với đường thẳng chứa tia Oy nên hai góc xOy và yOz là hai góc kề nhau. Hơn nữa, hai góc xOy và yOz có tổng bằng góc xOz =180 độ nên hai góc xOy và yOz là hai góc bù nhau.  Vậy hai góc xOy và yOz là hai góc kề bù  b) Vì 2 góc có chung gốc O, chung cạnh Oz, 2 cạnh còn lại là Oy và Ot nằm về hai phía đối với đường thẳng chứa tia Oz nên hai góc yOz và zOt là hai góc kề nhau. Hơn nữa, hai góc yOz và zOt có tổng bằng góc xOz =180 độ nên hai góc yOz và zOt là hai góc bù nhau.  Vậy hai góc yOz và zOt là hai góc kề bù  c.Do  Vậy  **Luyện tập 4:**    Ta có: (2 góc đối đỉnh)  Mà  Ta có: (kề bù)  Vậy |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về hai góc kề nhau, hai góc bù nhau, hao góc kề bù, hai góc đối đỉnh

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện **Bài 1, 2, 3** (SGK – tr94).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT mời đại diện 2-3 HS trình bày miệng. Các HS khác chú ý nhận xét bài các bạn và hoàn thành vở.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

a) Hai góc kề nhau:

Trong hình 18a là: góc iAj và góc jAk

Trong hình 18b là: góc eBf và góc fBg; góc eBf và góc fBh; góc eBg và góc gBh; góc fBg và góc gBh

b) 2 góc kề bù trong Hình 19 là: góc xOy và góc yOu; góc xOz và góc zOu; góc xOt và góc tOu

c) 2 góc đối đỉnh:

Trong Hình 20a: Không có vì 2 góc này không có chung đỉnh

Trong Hình 20b: Không có vì không có 2 góc nào mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.

Trong Hình 20c: góc xOy và góc x’Oy’

Trong Hình 20d: Không có vì không có 2 góc nào mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.

**Bài 2:**

a) 2 góc kề nhau là: góc ABE và EBD; góc AFG và GFE; góc AEB và BED; góc BCG và GCD; góc FGB và BGC; góc BGC và CGE; góc CGE và EGF; góc EGF và FGB.

b) 2 góc kề bù là: góc AFG và GFE; góc BCG và GCD; góc FGB và BGC; góc BGC và CGE; góc CGE và EGF; góc EGF và FGB.

c) 2 góc đối đỉnh là: góc FGB và CGE; góc BGC và EGF

**Bài 3:**

a) Vì tia On nằm trong góc mOp nên

Vậy số đo góc mop là 75 độ  
b) Ta có: (2 góc kề bù)

Vậy số đo góc qPr là 125 độ

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về ứng dụng các loại góc đặc biệt trong thực tế.

- HS vận dụng các công thức giải các bài tập tính toán.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **Bài 4** (SGK – tr95).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn bài tập theo yêu cầu của GV để củng cố tính chất về các góc nằm ở vị trí đặc biệt.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu các bài tập của một số HS trên máy chiếu và chữa bài.

**Kết quả:**

**Bài 4:**

Có 4 góc kề nhau được tạo thành, xếp thành góc bẹt, mỗi góc tạo bởi 2 thanh chắn vòm cửa

Nên mỗi góc có số đo:

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình HS hoàn thành bài.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- HS ôn lại tính chất về các loại góc ở vị trí đặc biệt.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Bài 2. Tia phân giác của một góc”***

***Ký duyệt***

Ngày soạn: ……/……./2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

**Tiết 10. BÀI 2: TIA PHÂN GIÁC CỦA MỘT GÓC (1 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Yêu cầu cần đạt:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt)

- Biết vẽ tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt) bằng thước thẳng và compa (hoặc dùng thước hai lề).

- Chỉ ra một vài vật thể trong thực tiễn có dạng tia phân giác của một góc, ... là cơ hội để HS hình thành NL mô hình hóa toán học.

- Tính được số đo của một góc chưa biết dựa vào tia phân giác của góc đó và số đo của những góc khác được cho trước,... là cơ hội để HS hình thành NL giải quyết vấn đề toán học.

**2. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

- Một số mô hình về tia phân giác của một góc để HS quan sát, nhận dạng,..

- Một số hình ảnh về những vật thể có trong thực tế có dạng tia phân giác của một góc để minh họa, làm cho bài học được sinh động và lôi cuốn người học.

**2. Học sinh**

SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn tập về góc, tia, hai tia đối nhau, điểm trong góc, số đo góc, trục đối xứng của một hình; đọc trước nội dung bài mới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Diagram

Description automatically generated with medium confidenceA. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS có biểu tượng về vị trí ba tia chung gốc, tạo nên hình ảnh của hai góc có một cạnh chung

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide về hình ảnh minh họa cân Robecvan khi cân bằng cho HS quan sát và giới thiêu: *Hình 24 gợi nên hình ảnh tia OC nằm trong góc AOB và chia góc đó thành hai góc bằng nhau là AOC và BOC.*

*-* GV đặt câu hỏi: *Tia OC được gọi là tia gì của góc AOB?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe giới thiệu của GV, suy nghĩ về câu hỏi GV đưa ra.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đưa ra dự đoán về câu hỏi mở đầu.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới:

***Bài 2. Tia phân giác của một góc.***



**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Định nghĩa**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết được định nghĩa về tia phân giác của một góc

*-* Vận dụng kiến thức về tia phân giác của một góc để giải một số bài tập liên quan.

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS quan sát *Hình 25,* thảo luận nhóm đôi, trả lời các yêu cầu trong **HĐ1**  - GV yêu cầu HS đọc định nghĩ và xem *Hình 26* ghi nhớ kiến thức mới về tia phân giác của một góc  - GV nhấn mạnh: *Tia Oz là tia phân giác của góc xOy (không phải là góc bẹt) nếu tia Oz nằm trong góc xOy và nó tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau ()*  - GV hướng dẫn HS dựa vào đo đạc và quan sát phát hiện ra tia phân giác trong *Hình 26,* sau đó tự lấy ví dụ về tia không phải là tia phân giác của một góc.  *-* GV giải thích để HS hiểu về tia phân giác của góc bẹt như trường hợp đặc biệt.  - GV tổ chức cho HS thực hành luyện tập về tia phân giác của một góc thông qua việc hoàn thành *Ví dụ 1.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV: hướng dẫn, giảng, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Đại diện HS giơ tay trình bày câu trả lời.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại định nghĩa tia phân giác của một góc. | **I. định nghĩa.**  ***HĐ1:***  a) Mỗi điểm M (M khác O) thuộc tia Oz đều là điểm trong của góc xOy. Tia Oz có nằm trong gics xOy  b) Vì Oz có nằm trong góc xOy nên  c) (cùng bằng )  *Định nghĩa: Tia phân giác của một góc là tia nằm trong góc và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.*  *- Ví dụ 1. SGK – tr96* |

**Hoạt động 2: Vẽ tia phân giác của một góc**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết cách vẽ tia phân giác của một góc (góc phải là góc bẹt) bằng thước thẳng và compa hoặc bằng thước hai lề.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV vừa vẽ tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt) bằng thước thẳng và compa vừa hướng dẫn để HS vẽ theo như các bước đã nêu ở **HĐ2**  **🡪** GV hướng dẫn HS cách dùng thước đo góc để kiểm tra lại xem tia vừa vẽ có tạo với hai cạnh của góc hai góc bằng nhau hay không.  - GV tổ chức cho HS luyện tập cách vẽ phân giác của một góc (không phải là góc bẹt) bằng thước thẳng và compa qua *Ví dụ 2*  *-* GV vẽ tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt) bằng thước hai lề (thước có hai cạnh song song) đồng thời hướng dẫn để HS vẽ theo như các bước đã nêu ở **HĐ3**  🡪 HS vẽ hình theo hướng dẫn của GV và dùng thước đo góc để kiểm tra lại xem tia vừa vẽ có tạo với hai cạnh của góc hai góc bằng nhau hay không.  - GV yêu cầu HS nêu lại các bước để vẽ tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt) cho trước bằng thước thẳng và compa hoặc thước hai lề để củng cố lại cách vẽ tia phân giác.  - GV giới thiệu với HS về tính chất phân giác của góc như phần *Có thể em chưa biết* Trong SGK.  - GV hướng dẫn HS rút ra nhận xét: *Đường thẳng chứa tia phân giác của một góc là trục đối xứng cảu góc đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS, tổng kết lại về cách vẽ tia phân giác của một góc | **II. Vẽ tia phân giác của một góc**  ***HĐ3:*** SGK trang 97  Vẽ tia phan giác của một góc bằng thước thẳng và compa  + Bước 1. Trên tia Ox lấy điểm A bất kì (A khác 0); Vẽ một phần đường tròn tâm O bán kính OA, cắt tia Oy tại điểm B    + Bước 2. Vẽ một phần đường tròn tâm A bán kính AO    + Bước 3. Vẽ một phần đường tròn tâm B bán kính AO, cắt phần đường tròn tâm A bán kính AO tại điểm C nằm trong góc xOy    + Bước 4. Vẽ tia OC, ta được tia phân giác của góc xOy.    *Ví dụ 2. SGK – tr9*  **HĐ3:** Vẽ tia phân giác của góc bằng thước hai lề.  + Bước 1. Đặt thước hai lề sao cho một cạnh của thước trùng với cạnh Im của góc mIn; Dùng bút, vạch một vạch thẳng theo cạnh kia của thước    Bước 2. Đặt thước hai lề sao cho một cạnh của thước trùng với cạnh In của góc mIn; Dùng bút, vạch một vạch thẳng theo cạnh kia của thước    Bước 3. Hai nét vạch thẳng vẽ ở Bước 1 và Bước 2 cắt nhau tại điểm K nằm trong góc mIn.Vẽ tia IK, ta được tia phân giác của góc mIn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về tia phân giác của một góc

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm nhanh các bài tập về tia phân giác.

**Câu 1:** Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau:

A. Nếu tia Ot là tia phân giác của thì tia Ot nằm giữa hai tia Ox, Oy

B. Nếu tia Ot là tia phân giác của thì

C. Nếu thì tia Ot là tia phân giác của

D. Nếu và tia Ot nằm giữa hai tia Ox, Oy thì tia Ot là tia phân giác của

**Câu 2:** Cho Ot là phân giác của. Biết , số đo của là:

A. 40° B. 60° C. 50° D. 200°

**Câu 3:** Cho là góc vuông có tia On là phân giác, số đo của là:

A. 40° B. 90° C. 45° D. 85°

Câu 4: Cho tia On là tia phân giác của . Biết , số đo của là:

A. 140° B. 120° C. 35° D. 60°

Câu 5: Cho và tia OB là tia phân giác của . Khi đó là:

A. Góc vuông B. Góc nhọn C. Góc tù D. Góc bẹt

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS lựa chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trong trò chơi trắc nghiệm.

**Kết quả:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2C | 3C | 4A | 5D |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về ứng dụng về tia phân giác trong thực tế.

- HS vận dụng các công thức giải các bài tập tính toán.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **BT1, BT2, BT3, BT4** (SGK – tr98).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn bài tập theo yêu cầu của GV để củng cố tính chất về các góc nằm ở vị trí đặc biệt.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu các bài tập của một số HS trên máy chiếu và chữa bài.

**Kết quả:**

**Bài 1.**

a) Tia OB là tia phân giác của những góc: ;

b) Tia OT là tia phân giác của những góc: ;

**Bài 2.**

Vi On là tia phân giác của nên

**Bài 3**  
a) Các tia Om, On tương ứng là tia phân giác của góc yOz và xOz vì:  
Tia Om nằm trong góc yOz và   
Tia On nằm trong góc và   
b) Vì các tia Om, On tương ứng là tia phân giác của góc yOz và xOz nên:  
Mà tia Oz nằm trong góc nên

Mà tia nằm trong góc mOn nên và

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình HS hoàn thành bài.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- HS ôn lại tính chất về tia phân giác của một góc

- Hoàn thành các bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Bài 3. Hai đường thẳng song song”***

Ký duyệt

Ngày soạn: ……/……./2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

**Tiết 11, 12, 13. BÀI 3: HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG (3 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Yêu cầu cần đạt:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được hai góc đồng vị, hai góc so le trong (trong số các góc tạo thành khi một đường thẳng cắt hai đường thẳng khác).

- Nhận biết được hai đường thẳng song song với nhau (dựa vào dấu hiệu nhận biết).

- Biết vẽ hai đường thẳng song song với nhau dựa vào hai góc đồng vị bằng nhau (hoặc hai góc so le trong bằng nhau).

- Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.

- Nhận biết được các tính chất về một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song.

- Bước đầu nhận biết được một số vật thể trong thực tiễn có dạng hai góc đồng vị, hai góc so le trong, hai đường thẳng song song.

- Chỉ ra một vài vật thể trong thực tiễn có dạng hai góc đồng vị (hai góc so le trong), ... là cơ hội để HS hình thành NL mô hình hóa toán học.

- Tìm được số đo của góc chưa biết dựa vào hai góc đồng vị (hai góc so le trong) khi biết trước số đo của một vài góc liên quan, ... là cơ hội để HS hình thành NL giải quyết vấn đề toán học.

**2. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

- Một số mô hình về hai góc đồng vị, hai góc so le trong, hai đường thẳng song song để học sinh quan sát, nhận dạng,…

- Một số hình ảnh về những vật thể có dạng hai góc đồng vị, hai góc so le trong, hai đường thẳng song song,… để minh họa, làm cho bài học sinh động và lôi cuốn người học.

**2. Học sinh**

SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn tập về khái niệm và cách vẽ hai đường thẳng song song ; đọc trước nội dung bài mới.

**Diagram

Description automatically generatedIII. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 11.**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide 33 và đặt vấn đề: *Hình 33 minh họa góc quan sát của người phi công và góc quan sát của người hoa tiêu khi hướng dẫn máy bay vào vị trí ở sân bay.*

*-* GV đặt câu hỏi: *Theo em dự đoán, hai góc đó có bằng nhau hay không?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe giới thiệu của GV, suy nghĩ và dự đoán về câu hỏi GV đưa ra.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đưa ra dự đoán về câu hỏi mở đầu.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới:

***Bài 3. Hai đường thẳng song song***



**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hai góc đồng vị. Hai góc so le trong**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được hai góc đồng vị, hai góc so le trong (trong số các góc tạo thành khi một đường thẳng cắt hai đường thẳng khác).

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS vẽ hình (theo các yêu cầu), để có Hình 34ở **HĐ1**  - GV hướng dẫn HS quan sát *Hình 34* để nhận ra được  *+ Mỗi góc và ở cùng phía so với đường thẳng c*  ***+*** *Góc ở phía trên so với đường thẳng a, góc ở phía trên so với đường thẳng b*  *🡪 HS tiếp cận và nhận biết được hai góc và là hai góc ở vị trí đồng vị*  - GV yêu cầu HS nêu cách hiểu về hai góc đồng vị, sau đó, nhấn mạnh về nhận biết hai góc đồng vị (dựa vào hình vẽ, như Hình 34):  🡪 *Đường thẳng c lần cắt hai đường thẳng a và b tại các điểm A và B, Hai góc và ở “cùng một phía” của đường thẳng c; góc ở “phía trên” đường thẳng a, góc cũng ở “phía trên” đường thẳng b. Hơn nữa, nếu đường thẳng c lần lượt cắt hai đường thẳng a và b tại các điểm A và B (như ở Hình 34) thì sẽ tạo nên nhiều cặp góc đồng vị.*  - GV hướng dẫn HS vẽ hình (theo các yêu cầu), để có Hình 35 ở **HĐ1**  - GV hướng dẫn HS quan sát *Hình 35* để nhận ra được  *+ Mỗi góc và ở khác phía so với đường thẳng c*  ***+*** *Góc ở phía dưới so với đường thẳng a, góc ở phía trên so với đường thẳng b*  *🡪 HS tiếp cận và nhận biết được hai góc và là hai góc ở vị trí so le trong.*  - GV yêu cầu HS nêu cách hiểu về hai góc so le trong, sau đó, nhấn mạnh về cách nhận biết hai góc so le trong (dựa vào hình vẽ, như Hình 35):  🡪 Đường thẳng c lần lượt cắt hai đường thẳng a và b tại các điểm và Hai góc và ở “hai phía” của đường thẳng c; góc ở phía dưới đường thẳng a, góc lại ở “phía trên” đường thẳng b. Hơn nữa, nếu đường thẳng c lần lượt cắt hai đường thẳng a và b tại các điểm A và B (như ở Hình 35) thì sẽ tạo nên hai cặp góc so le trong.  - GV có thể chiếu một số hình vẽ, trong số đó có trường hợp hai góc đồng vị, hai góc so le trong rồi cho HS quan sát và chỉ ra trường hợp nào thì có hai góc đồng vị (nêu rõ hai góc đó ở cùng một phía của đường thẳng nào, góc nào ở “phía trên” đường thằng nào); trường hợp nào có hai góc so le trong (nêu rõ hai góc đó ở hai phía của đường thẳng nào, góc nào ở “phía trên” đường thẳng nào còn góc nào ở “phía dưới” đường thẳng nào)    - GV yêu cầu HS lấy ví dụ về hai góc không phải hai góc đồng vị, hai góc không phải hai góc so le trong.  - GV tổ chức cho HS thực hành luyện tập về hai góc đồng vị, hai góc so le trong thông qua việc hoàn thành *Ví dụ 1.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV: hướng dẫn, giảng, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Đại diện HS giơ tay trình bày câu trả lời.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại kiến thức về hai góc nằm ở vị trí đồng vị, so le trong. | **I. Hai góc đồng vị. Hai góc so le trong**  **HĐ1:** SGK -tr100  *Ví dụ 1: SGK-tr101* |

**Tiết 12.**

**Hoạt động 2: Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được hai đường thẳng song song với nhau (dựa vào dấu hiệu nhận biết).

- Biết vẽ hai đường thẳng song song với nhau dựa vào hai góc đồng vị bằng nhau (hoặc hai góc so le trong bằng nhau).

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu *Hình 38* trong SGK và yêu cầu HS đoán các đường thẳng song song với nhau để hoàn thành yêu cầu của **HĐ2**  **-** Thông qua **HĐ2,** GV hướng dẫn HS thừa nhận những dấu hiệu để nhận biết hai đường thẳng song song.  - GV yêu cầu HS phát biểu lại dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song sau đó nhấn mạnh với HS: *Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng khác và trong số các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau (hoặc một cặp góc so le trong bằng nhau) thì hai đường thẳng bị cắt đó song song với nhau.*  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành *Ví dụ 2* vào vở để luyện tập về dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.  - GV hướng dẫn HS thực hành sử dụng ê ke để vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song với đường thẳng đã cho thông qua việc hoàn thành lần lượt các bước trong **HĐ3**  - GV yêu cầu HS thực hành vẽ đường thẳng p đi qua điểm P và song song với đường thẳng q (điểm P không thuộc đường thẳng q) bằng ê kê, dựa vào góc so le trong.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS, tổng kết lại về dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song. | **II. Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song**  **HĐ2:** SGK -tr100    Dự đoán:  Hình a - đường thẳng a và đường thẳng b song song với nhau.  Hình c - đường thẳng n và đường thẳng m song song với nhau.  **Kết luận:**  *- Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì a, b song song với nhau.*  *- Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì a, b song song với nhau.*  *Ví dụ 2: SGK-tr101*  **HĐ3:** *SGK -tr102*  a) Thực hành:    b) Đường thẳng b song song với đường thẳng a vì đường thẳng c cắt 2 đường thẳng a và b tạo ra một cặp góc đồng vị bằng nhau. |

**Hoạt động 3: Tiên đề Euclid về đường thẳng song song**

**a) Mục tiêu:**

- HS phát biểu được tiên đề Euclid về đường thẳng song song

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc lại **HĐ3** vào cho biết qua 1 điểm nằm ngoài đường thẳng có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đã cho?  **-** GV giới thiệu với HS tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  - GV chú ý với HS: *ta công nhận tiên đề Euclid về đường thẳng song song.*  - GV yêu cầu HS phát biểu lại tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  - GV chú ý với HS: *Nếu hai đường thẳng cùng đi qua điểm M và cùng song song với đường thẳng a (M không thuộc đường thẳng a) thì hai đường thẳng đó trùng nhau.*  *-* GV yêu cầu HS đọc thêm phần tìm tòi – mở rộng về nhà toán học Euclid trang 109 – SGK.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS, tổng kết lại về tiên đề Euclid về đường thẳng song song. | **III. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song.**  ***Kết luận:***  *Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.* |

**Tiết 13.**

**Hoạt động 4: Tính chất của hai đường thẳng song song**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được các tính chất về một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song.

- Bước đầu nhận biết được một số vật thể trong thực tiễn có dạng hai góc đồng vị, hai góc so le trong, hai đường thẳng song song.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện theo các yêu cầu trong **HĐ4**  **-** Thông qua **HĐ4** GV yêu cầu HS đưa ra so sánh về hai góc nằm ở vị trí đồng vị và hai nằm ở vị trí so le trong.  **-** GV giới thiệu với HS về tính chất hai đường thẳng song song; HS công nhận tính chất của hai đường thẳng song song theo trường hợp hình vẽ cụ thể và nhắc lại tính chất trong khung kiến thức trọng tâm SGK – tr103  - GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập về tính chất của hai đường thẳng song song thông qua *Ví dụ 3 trong SGK.*  - GV yêu cầu HS hoàn thành phần **Luyện tập** trong SGK để củng cố và luyện tập thêm về tính chất của hai đường thẳng song song.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS, tổng kết lại về tính chất của hai đường thẳng song song. | **IV. Tính chất của hai đường thẳng song song**  **HĐ4:** *SGK -tr103*    Kết luận:  *Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì:*  *+ Hai góc đồng vị bằng nhau.*  *+ Hai góc so le trong bằng nhau.*  *Ví dụ 3: SGK-tr103*  **Luyện tập:**    Vì u // v nên  ( Hai góc so le trong)  \* Lưu ý:  *Nếu tđường thẳng c cắt cả hau đường thẳng song song a với b thì:*  *- Hai góc so le ngoài bằng nhau.*  *- Hai góc trong cùng phía có tổng số đo bằng 180o.* |

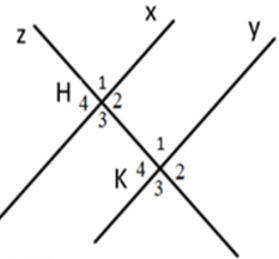
**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về hai đường thẳng song song

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm nhanh các bài tập về hai đường thẳng song song

 **Câu 1:**Cho hình vẽ sau

Chọn phát biểu đúng

A. và là hai góc so le trong

B. và là hai góc đồng vị

C. và là hai góc so le ngoài

D. và là hai góc so le trong

**Câu 2:**Chọn một cặp góc so le trong trong hình vẽ sau

A. và

B. và

C. và

D. và

**Câu 3:**Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì:

A. Hai góc trong cùng phía bằng nhau

B. Hai góc đồng vị bằng nhau

C. Hai góc so le trong còn lại có tổng bằng 120°

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 4:**Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì:

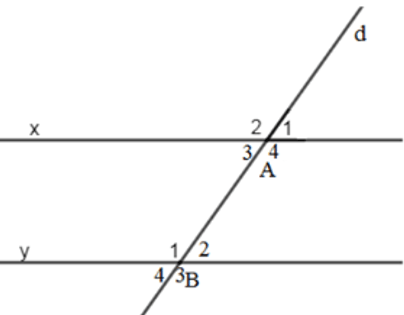
A. Hai góc trong cùng phía bằng nhau

B. Hai góc so le trong bù nhau

C. Hai góc trong cùng phía bù nhau

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 5:**Cho hình vẽ



Biết một cặp góc so le trong . Tính số đo góc của cặp góc so le trong còn lại

A. B. C. D.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS lựa chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trong trò chơi trắc nghiệm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1B | 2B | 3B | 4C | 5D |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về ứng dụng về hai đường thẳng song song

- HS vận dụng các công thức giải các bài tập tính toán.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **BT1, BT2, BT3** (SGK – tr104).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn bài tập theo yêu cầu của GV để củng cố tính chất về hai đường thẳng song song

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu các bài tập của một số HS trên máy chiếu và chữa bài.

**Kết quả:**

**Bài 1.**

A picture containing text, antenna

Description automatically generated

a. Vì a//b nên (hai góc đồng vị)

Mà (hai góc đối đỉnh)

Nên

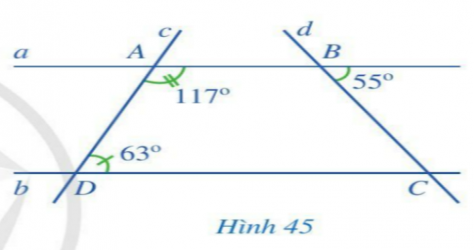
b. Vì a//b nên (hai góc đồng vị)

Mà (Hai góc đồng vị)

Nên:

**Bài 2.**

Ta có hình vẽ như sau:



a. Vì (hai góc kề bù)

Nên

Vì (cùng bằng )

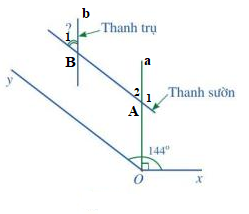
Mà hai góc ở vị trí đồng vị a//b (đpcm)

b. Vì a//b nên (hai góc so le trong), mà

**Bài 3.**

Ta có hình vẽ như sau:

Diagram

Description automatically generated with medium confidence

Vì AB//Oy nên  (hai góc đồng vị)

Mà

Vì  (hai góc kề bù)

Nên

Vì a//b nên  (hai góc đồng vị)

Mà

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình HS hoàn thành bài.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- HS ôn lại các kiến thức về hai đường thẳng song song

- Hoàn thành các bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Bài 4. Định lí” :*** Tìm một số tính chất toán học đã biết (đã học) có thể được phát biểu ở dạng “Nếu … thì”.

Ký duyệt:

Ngày soạn: ……/……./2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

**Tiết 14,15. BÀI 4: ĐỊNH LÍ (2 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Yêu cầu cần đạt:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được định lí trong toán học

- Nhận biết được cách ghi giả thiết, kết luận của một định lí

- Nhận biết được cách chứng minh một định lí

- Thực hiện tính toán trong quá trình chứng minh một định lí (cụ thể),.. là cơ hội để hình thành NL giải quyết vấn đề toán học.

**2. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

- Một số tính chất toán học mà HS đã biết là đúng và các tính chất này phát biểu ở dạng “ Nếu... thì ...” để HS làm quen, nhận dạng định lí; ...

- Một số phát biểu trong dân gian có dạng “Nếu ... thì ...” như “Nếu chuồn chuồn bay thấp thì mưa”,... để minh họa, làm cho bài học được sinh động và lôi cuốn người học.

**2. Học sinh**

SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm; đọc trước nội dung bài mới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Timeline

Description automatically generated- GV chiếu *Hình 48* và đưa tình huống học tập như trong SGK: *Bạn Ánh vẽ hai đường thẳng (phân biệt) a, b cùng vuông góc với đường thẳng c (Hình 48) và khẳng định với bạn Ngân rằng: “Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì hai đường thẳng đó song song với nhau”.*

- GV yêu cầu HS đưa ra một số tính chất toán học đã biết (đã học) có thể được phát biểu ở dạng “ Nếu … thì” đã chuẩn bị ở nhà.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe giới thiệu của GV, thực hiện theo yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đưa ra câu trả lời

*+* ***Nếu*** *đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau* ***thì*** *a, b song song với nhau.*

*+* ***Nếu*** *đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau* ***thì*** *a, b song song với nhau.*

*+* ***Nếu*** *một đường thẳng cắt hia đường thẳng song song* ***thì*** *hai góc đồng vị bằng nhau; hai góc so le trong bằng nhau.*

*+ …*

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: *Để biết các câu khẳng định có dạng “Nếu ... thì” trong toán học được gọi là gì, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.*

***Bài 4. Định lí***



**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Định lí**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được định lí trong toán học

- Nhận biết được cách ghi giả thiết, kết luận của một định lí

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, đọc kĩ nội dung trong **HĐ1** kết hợp quan sát *Hình 49 để* bằng kiến thức đã học có thể phát biểu và chứng minh được tính chất: *“ Nếu một góc có hai cạnh là hai tia phân giác của hai góc kề bù thì đó là góc vuông”.*  - Từ kết quả **HĐ1,** GV yêu cầu HS nêu cách hiểu về định lí, sau đó nhận mạnh các đặc điểm của định lí như nội dung ở phần *Nhận xét* trong SGK.  - GV yêu cầu HS đọc lại nội dung phần *Nhận xét ở*  **HĐ1** để ghi nhớ kiến thức mới về định lí.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc và hoàn thành các yêu cầu của **HĐ2**  ***­*-** Từ kết quả của **HĐ2,** GV rút ra cho HS kết luận về định lí như ở phần khám phá kiến thức tong SGK.  - GV tổ chức cho HS lấy ví dụ về định lí và chỉ rõ đâu là giả thiết, đâu là kết luận của định lí đó.  - GV yêu câu HS đọc, phân tích và hoàn thành *Ví dụ 1* vào vở đểbiết cách viết giả thiết và kết luận của định lí.  - GV tổ chức cho HS thực hành luyện tập về định lí (viết giả thiết và kết luận của định lí) thông qua việc hoàn thành **Luyện tập 1**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV: hướng dẫn, giảng, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Đại diện HS giơ tay trình bày câu trả lời.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại kiến thức về định lí trong toán học. | **I. ĐỊNH LÍ**  **HĐ1:** SGK-tr105  Khẳng định**:** *"Nếu một góc có hai cạnh là hai tia phân giác của hai góc kề bù thì góc đó là góc vuông".*  Nhận xét:Khẳng định trên có các đặc điểm sau:  *- Là một phát biểu về tính chất toán học.*  *- Tính chất toán học đó đã được chứng tỏ là đúng không dựa vào các trực giác hay đo đạc,..*  ***Định lí.***  **HĐ2:**  - Phần nằm giữa từ “ Nếu” và từ “ thì” là: một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song  - Phần nằm sau từ “ thì” là: hai góc so le trong bằng nhau.  *Ví dụ 1: SGK -tr106*  **Luyện tập 1.**  - Giả thiết: một đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong số các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau  - Kết luận: hai đường thẳng a, b song song với nhau. |

**Hoạt động 2: Chứng minh định lí**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được cách chứng minh một định lí (là tiến trình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng).

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu *Hình 51* trong SGK cho HS quan sát và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành các nhiệm vụ trong **HĐ3**  **-** Thông qua **HĐ3,** GV yêu cầu HS nêu lại các bước cần làm để chứng minh một định lí trong trường hợp cụ thể.  - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: *Chứng minh định lí là một tiến tình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng.*  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành *Ví dụ 2* vào vở để luyện tập về chứng minh định lí.  🡪 *GV hướng dẫn, giúp đỡ HS về cách lập luận để có kết luận của định lí.*  - GV tổ chức cho HS luyện tập chứng minh định lí thông qua việc hoàn thành yêu cầu của **Luyện tập 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt. gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  - HĐ nhóm: các thành viên trao đổi, hoàn thành yêu cầu, đại diện trình bày, phát biểu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động, tiếp thu kiến thức của HS, tổng kết lại về các bước để chứng minh định lí. | **II. Chứng minh định lí**  **HĐ3.**  a) Vẽ hình:  Giải bài 4 Định lí  b) Viết giả thiết, kết luận  Giải bài 4 Định lí  c) Chứng minh định lí:  Ta có: (giả thiết)  (hai góc đối đỉnh)  (cùng bằng )  Mà ; (hai góc kề bù)    *Ví dụ 2: SGK -tr107* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về định lí

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu câu hỏi bài tập về định lí

**Câu 1.** Cho định lí: "Một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì tạo thành cặp góc so le trong bằng nhau".

a) Hãy chỉ ra giả thiết và kết luận của định lí.

b) Vẽ hình minh hoạ và ghi giả thiết, kết luận bằng kí hiệu.

**Câu 2**. Cho định lí: “Một đường thẳng cắt hai đường thẳng tạo thành một cặp góc So le trong bằng nhau thì hai đường thẳng đó song song".

a) Hãy chỉ ra giả thiết và kết luận của định lí.

b) Vẽ hình minh hoạ và ghi giả thiết, kết luận bằng kí hiệu.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS lựa chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi

**Câu 1.**

a) Giả thiết: một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song.

Kết luận: hai góc so le trong tạo thành bằng nhau.

Chart, line chart

Description automatically generatedb)

|  |  |
| --- | --- |
| GT | a//b; c cắt a tại A, c cắt b tại B,  là hai góc so le trong tạo thành |
| KT |  |

**Câu 2.**

a) Giả thiết: một đường thẳng cắt hai đường thẳng tạo thành cặp góc so le trong bằng nhau.

Kết luận: hai đường thẳng đó song song.

b)

|  |  |
| --- | --- |
| GT | c cắt a tại A, c cắt b tại B,  Chart, line chart  Description automatically generated là hai góc so le trong tạo thành |
| KT | a//b |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về ứng dụng về định lí trong toán học

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành **BT1, BT2** (SGK – tr107).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn bài tập theo yêu cầu của GV để củng cố về định lí trong toán học

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu các bài tập của một số HS trên máy chiếu và chữa bài.

**Kết quả:**

**Bài 1.**

a) Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó vuông góc với đường thẳng còn lại.

Chart, diagram

Description automatically generated

A picture containing box and whisker chart

Description automatically generated

b) Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì chúng song song với nhau.

Chart, diagram, box and whisker chart

Description automatically generated

A picture containing table

Description automatically generated

c) Qua một điểm cho trước có duy nhất một đường thẳng vuông góc với đường thẳng cho trước.

A picture containing diagram

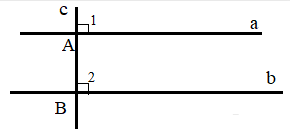
Description automatically generated

A picture containing text

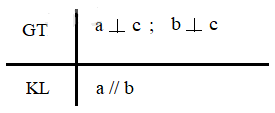
Description automatically generated

**Bài 2.**

a) Vẽ hình minh họa:



b) Viết giải thiết, kết luận:



c) Chứng minh định lí: Giả sử có 2 đường thẳng phân biệt a,b cùng vuông góc với một đường thẳng c.

Ta có: , mà hai góc này ở vị trí đồng vị nên a//b (Dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song)

Như vậy, định lí trên có thể được suy ra trực tiếp từ định lí về dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình HS hoàn thành bài.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- HS ôn lại các kiến thức về định lí trong toán học, cách chứng minh định lí

- Hoàn thành các bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “***Bài tập cuối chương IV” :*** làm trước các bài tập 1, 3, 4, 5 (SGK –tr108) và chuẩn bị sản phẩm sơ đồ tư duy tổng kết nội dung chương 4 ra giấy A1 theo tổ. (GV hướng dẫn cụ thể)

**Ký duyệt:**

Ngày soạn: ……/……./2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

# TIẾT 16,17. BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG IV (2 TIẾT)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Yêu cầu cần đạt:**Học ôn tập, củng cố lại:

- Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương

- Luyện tập các kĩ năng tính toán, vẽ hình.

***-*** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.



**2. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 – GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,..

**2 – HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn lại các kiến thức đã học trong chương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, nhớ lại các kiến thức đã học trong chương.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn hệ thống lại kiến thức đã học của chương và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy và yêu cầu các nhóm trình bày rõ các nội dung sau:

*+ Các góc ở vị trí đặc biệt*

*+ Tia phân giác của một góc*

*+ Hai đường thẳng song song*

*+ Định lí*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu :**

- Ôn tập nội dung kiến thức của cả chương

- Luyện tập, củng cố các kĩ năng tính toán

**b) Tổ chức thực hiện :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

*- GV yêu cầu HS chữa* ***BT1🡪 BT5 (SGK - tr 108)*** *( đã giao về nhà từ buổi trước)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV.

- GV quan sát, hỗ trợ HS hoàn thành các bài tập vảo vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

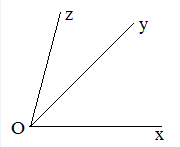
- Đại diện 1 -2 HS/ bài tập trình bày bảng.

- Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả :**

**Bài 1.**

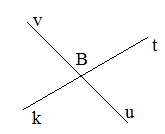
a) Ví dụ về 2 góc kề nhau: Góc xOy và góc yOz



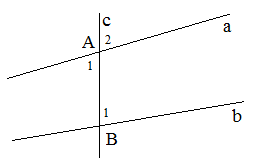
Ví dụ về 2 góc kề bù:  góc mAp và pAn



Ví dụ về hai góc đối đỉnh: góc uBt và góc vBk



b) Tia phân giác của một góc là tia nằm trong góc và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.



Đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b, tạo ra: Góc A1 và B1 là cặp góc so le trong; Góc A2 và B1 là cặp góc đồng vị

d) Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc đồng vị bằng nhau; hai góc so le trong bằng nhau (Tính chất 2 đường thẳng song song)

e) Tiên đề Euclide về đường thẳng song song: Qua 1 điểm nằm ngoài đường thẳng, có một và chỉ một đường thẳng song song với đường thẳng đã cho.

**Bài 2.**

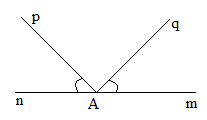
a) Hai góc có tổng số đo bằng  không phải là hai góc kề bù, vì 2 góc kề bù phải là 2 góc kề nhau và có tổng số đo bằng , chẳng hạn:

Chart

Description automatically generated

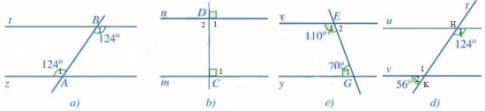
Góc xOy và góc xOz có tổng số đo bằng  nhưng không phải là hai góc kề bù, vì không kề nhau.

b) Hai góc bằng nhau và có chung đỉnh không phải là hai góc đối đỉnh, chẳng hạn:



Góc mAq và nAp bằng nhau và có chung đỉnh nhưng không phải là hai góc đối đỉnh.

**Bài 3.**



a) Vì . Mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên z// t

b) Vì  ( 2 góc kề bù) nên

Vì . Mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên m//n

c) Vì  ( 2 góc kề bù) nên

Vì . Mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên x//y

d) Vì  ( 2 góc kề bù) nên .

Vì . Mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên x//y

**Bài 4.**

a) Vì AE ⊥ AB; AE ⊥ ED nên AB//ED (2 đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì song song với nhau)

Mà Cx//AB (gt)

⇒ Cx//ED (2 đường thẳng cùng song song với đường thẳng thứ ba thì thì song song với nhau)

b) Vì Cx//AB nên  (hai góc so le trong)

Mà

Vì Cx//ED nên (hai góc so le trong)

Mà

c. Vì tia Ox nằm trong góc BCD nên:

**Bài 5.**

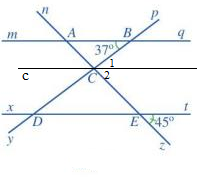
a) Các cặp góc đồng vị bằng nhau là:

* góc mAn và xEn \* góc mAz và xEz
* góc nAq và nEt góc qAz và tEz
* góc pBq và pDt góc qBy và tDy
* góc mBy và xDy góc pBm và pDx

b. Vì  (2 góc đối đỉnh) nên

Mà mq//xt nên => (hai góc so le trong)

c. Ta có hình vẽ:



Bạn Nam nói đúng:

Vì c//mq nên  (hai góc so le trong) nên

Vì c//xt nên  (hai góc so le trong) nên

Vì

Nên

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra hoàn thành bài nhanh và đúng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu :**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố lại kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

**b) Tổ chức thực hiện :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm nhanh, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời

**Câu 1.**Cho hai góc kề bù và . Tia nằm giữa hai tia và . Tia là tia đối của tia . Khi đó cặp góc đối đỉnh là cặp góc nào trong các cặp góc sau đây?  
A. và ; B. và;  
C. và ; D. và .

**Câu 2.** Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?  
A. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh; B. Hai góc không đối đỉnh thì không bằng nhau;  
C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau; D. Cả ba khẳng định trên đều đúng.

**Câu 3.** Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành bốn góc khác góc bẹt. Biết số đo của một trong bốn góc đó là . Khi đó số đo của ba góc còn lại là:  
A. , B. ,  
C. ; D. .

**Câu 4.** Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành bốn góc khác góc bẹt. Số đo của bốn góc đó có thể là trường hợp nào trong các trường hợp sau đây?  
A. ; B. ;  
C. D. .

**Câu 5.** Hai đường thẳng và cắt nhau tại . Cho là tia phân giác của góc và . Số đo của góc bằng:  
A. B. ; C. , D. Một kết quả khác.

Chart, line chart

Description automatically generated **Câu 6.** Cho Hình sau:   
a) Cặp góc so le trong là cặp góc:  
A. ; B. ,  
C. ; D. .  
b) Cặp góc đồng vị là cặp góc:  
A. ; B. ;  
C. ; D. .

Chart, line chart

Description automatically generated **Câu 7.** Cho Hình sau, Cặp góc là cặp góc:  
A. Sole trong:   
B. Đối đỉnh;  
C. Đồng vị;  
D. Cả ba phướng án trên đều sai.

Chart

Description automatically generated **Câu 8.** Cho Hình sau, đường thẳng a song song với đường thẳng b nếu:

A. ;

B. ;

C. ;

D. .

Chart, scatter chart

Description automatically generated**Câu 9.** Cho Hình sau, biết . Khẳng định nào sau đây là sai?  
A. ;

B. ;

C. ;

D. .

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các thành viên trong nhóm tích cực trao đổi hoàn thành các bài tập được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS đưa ra đáp án cho các câu hỏi trắc nghiệm

- HS khác chú ý nhận xét, bổ sung

**Kết quả :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2C | 3D | 4D | 5B |
| 6a. D | 6b.C | 7C | 8D | 9A |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động nhóm của HS.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập, khắc sâu lại các kiến thức đã học trong chương.

- Hoàn thành nốt các bài tập SGK

**Ký duyệt**

Ngày soạn: ……/……./2024

Ngày dạy: 7E: ….. / ...... / 2024 7G: ...../ ..... / 2024

## Tiết 18: ÔN TẬP HỌC KỲ I.

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Kiểm tra mức độ nắm bắt kiến thức của học sinh về nội dung chương hình học 7 học trong học kỳ 1.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** NL tư duy và lập luận toán học; NL giao tiếp toán học; NL giải quyết vấn đề toán học; NL mô hình hoá toán học.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV: -** Ti vi, máy tính, SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động: Ôn tập các góc và đường thẳng (43p)**

**a) Mục tiêu:**HS ôn tập các dạng toán hay ra trong đề kiểm tra. Thành thạo giải các dạng toán đã được học.

**b) Nội dung:** HS thực hiện làm các bài tập GV đưa ra.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bài 1:** Cho hình vẽ:  Biết , ,  Tính ?    **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài bài 1.  Yêu cầu:  - HS thực hiện cá nhân  - 1 HS lên bảng làm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - 1 HS lên bảng vẽ hình  - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân  - 1 HS lên bảng làm bài tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đứng tại chỗ trả lời nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.  - GV cho HS tìm hướng giải bài toán. Sau đó 1 HS lên bảng làm bài, các HS khác nhận xét. GV chốt kiến thức | **Bài 1:**    **Bài làm**  Kẻ đường thẳng  (so le trong)  Vì        Vậy . |
| **Bài 2:** Cho hình vẽ, biết  và , ,    Chứng minh : .  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài bài 2.  Yêu cầu:  - HS thực hiện nhóm 2 bạn  - 1 HS lên bảng làm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - 1 HS lên bảng vẽ hình  - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân  - 1 HS lên bảng làm bài tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đứng tại chỗ trả lời nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.  - GV: Cho HS phân tích đề bài, tìm hướng giải bài toán.  HS: thực hiện yêu cầu  - GV: yêu cầu HS làm bài theo nhóm hai người sau đó gọi 1 nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày.  - GV gọi HS nhận xét, GVchốt kiến thức. | **Bài 2:**    **Bài làm**  Vì nên :  ( so le trong)  Có :    Ta có :  mà hai góc ở vị trí trong cùng phía nên .  Vậy |
| Bài 3:  a) Chứng minh  biết rằng đường thẳng  b) Cho hình vẽ sau:    Chứng minh.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài bài 3.  Yêu cầu:  - HS hoạt động nhóm  - 1 HS lên bảng làm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - 1 HS lên bảng vẽ hình  - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân  - 1 HS lên bảng làm bài tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đứng tại chỗ trả lời nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **Bài 3:**  a) Ta có :  b)    Kẻ đường thẳng  đi qua  và song song với đường thẳng .  Ta có:  Vì  nên (so le trong)  nên  Mà  Nên . |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2p)**

- HS ôn lại nội dung trong bài học.

- Ôn tập phần hình học trực quan.

**Ký duyệt**